

**CÔNG TY CỔ PHẦN HƠI
KỸ NGHỆ QUE HÀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 130/S-TCKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300422482 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/01/2007. Công ty hiện nay hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi thứ 13 ngày 10/09/2025.
- Vốn điều lệ: 293.500.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 293.500.000.000 đồng
- Địa chỉ: 1 – 3 Nguyễn Trường Tộ, Phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: (84-208) 38262748
- Website: www.sovigaz.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): **SVG**

Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty TNHH một thành viên Hơi kỹ nghệ Que hàn tiền thân là Công ty Hơi kỹ nghệ SOVIGAZ, được thành lập trên cơ sở sáp nhập giữa Phân khu Việt Nam S.O.A.E.O. và Công Ty Việt Nam Hơi Kỹ Nghệ.

- Phân khu Việt Nam S.O.A.E.O. thuộc Công ty Société D'oxygène Et D'acétylène D'extrême Orient (gọi tắt là S.O.A.E.O.) của Pháp hoạt động tại miền Nam Việt Nam từ tháng 02 năm 1939 chuyên sản xuất Oxygen và Acetylen có địa chỉ tại 1-3 Nguyễn Trường Tộ, Khánh Hội – Sài Gòn.

- Công Ty Việt Nam Hơi kỹ nghệ, có tên Pháp Société Vietnamienne de Gaz Industriels, gọi tắt là SOVIGAZ, được thành lập tháng 09 năm 1967. Cơ sở sản xuất đầu tiên của SOVIGAZ đặt tại Khu Kỹ nghệ Biên Hòa – là tiền thân của xí nghiệp Hơi Kỹ Nghệ Biên Hòa hiện nay.

- Đầu năm 1974, SOVIGAZ sáp nhập với S.O.A.E.O. thành Công ty Hơi kỹ nghệ - SOVIGAZ. Trung tâm điều hành đặt tại số 1-3 Nguyễn Trường Tộ - Sài Gòn với 3 Chi nhánh: SOVIGAZ Cần Thơ và SOVIGAZ Nha Trang.

- Sau ngày giải phóng Miền Nam, Công ty Hơi kỹ nghệ Que hàn được thành lập theo quyết định số 229/HC-TCCB ngày 18/05/1976 của Tổng cục Hóa chất trên cơ sở tiếp quản, quốc hữu hóa CÔNG TY HƠI KỸ NGHỆ - SOVIGAZ cùng với 1 Xí nghiệp sản xuất Acetylen và 2 Xí nghiệp sản xuất que hàn.

- Năm 1993, Công ty Hơi kỹ nghệ Que hàn được thành lập lại theo Quyết định số 265/QĐ-TCNSĐT ngày 22/05/1993 của Bộ Công nghiệp Nặng (theo Thông báo số 138/TB ngày 03/05/1993 của Văn phòng Chính phủ theo thông báo ý kiến của Thủ Tướng Chính Phủ về việc đồng ý cho phép thành lập lại doanh nghiệp Nhà Nước.)

- Năm 2007, Công ty được chuyển thành Công ty TNHH Một thành viên Hơi kỹ nghệ Que hàn 100% vốn Nhà nước theo quyết định số 3328/QĐ-BCN ngày 21 tháng 11 năm 2006 của Bộ Công nghiệp.

- Ngày 20/12/2013, Tập Đoàn Hóa Chất Việt Nam ban hành quyết định số 441/QĐ-HCVN về việc cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Hơi kỹ nghệ Que hàn.

- Ngày 23/09/2014, Tập Đoàn Hóa Chất Việt Nam 381/QĐ-HCVN, về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên Hơi kỹ nghệ Que hàn thành công ty cổ phần.

- Công ty TNHH một thành viên Hơi kỹ nghệ Que hàn tổ chức Đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng ngày 10/11/2014 tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó:

o Giá đấu thành công cao nhất	:	10.500 đồng/cổ phần
o Giá đấu thành công thấp nhất	:	10.000 đồng/cổ phần
o Giá đấu thành công bình quân	:	10.009 đồng/cổ phần
o Tổng số cổ phần bán được	:	140.900 cổ phần
o Tổng giá trị cổ phần bán được	:	1.410.290.000 đồng

- Công ty hoàn tất thực hiện cổ phần hóa và hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 28/01/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300422482 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/01/2007, thay đổi lần thứ 08 ngày 28 tháng 01 năm 2015 với vốn điều lệ là 293.500.000.000 đồng.

Các sự kiện khác:

- Năm 1994: Đầu tư dây chuyền sản xuất Oxy, Nitơ 300 m³/h tại Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Khánh Hội;

- Năm 1997: Đầu tư dây chuyền sản xuất Oxy, Nitơ 150 m³/h tại Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Nha Trang;

- Năm 2000: Đầu tư dây chuyền sản xuất khí Công nghiệp 350 m³/h tại Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Biên Hòa;

- Năm 2000: Thành lập Chi nhánh tại Hải Phòng, nay là Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Hải Phòng;

- Năm 2002: Thành lập Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Que hàn Bình Dương đầu tư dây chuyền sản xuất oxy-nito-argon công suất $1500 \text{ m}^3/\text{h}$ với công nghệ hiện đại của Mỹ.

- Năm 2002: Công ty được Det Norske Veritas cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2000. Năm 2011, công ty chuyển đổi lên phiên bản ISO 9001:2008 và duy trì đến hiện nay.

- Năm 2005: Tiếp nhận sáp nhập Công ty Đất đèn Hóa chất Trảng Kênh thành chi nhánh của Công ty TNHH một thành viên Hơi kỹ nghệ Que hàn;

- Năm 2010: Công ty thực hiện di dời cơ sở sản xuất ra khỏi Thành phố Hồ Chí Minh bằng việc sáp nhập Chi nhánh Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Khánh Hội tại 1-3 Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh về XN Hơi kỹ nghệ Que hàn Bình Dương. Cùng năm, Công ty tiếp tục đầu tư thêm tại Xí nghiệp một dây chuyền sản xuất Oxy-nito-argon công suất $3.000 \text{ m}^3/\text{h}$ với công nghệ hiện đại của Mỹ.

- Năm 2011: Công ty đầu tư dây chuyền sản xuất que hàn điện công suất 10.000 tấn/năm tại Long An thuộc Dự án di dời kết hợp đầu tư đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất Xí nghiệp Que hàn điện Khánh Hội;

- Năm 2014: Công ty tiến hành di dời kết hợp đầu tư đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Nha Trang về Khu Công Nghiệp Diên Phú, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

• Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất hóa chất cơ bản: sản xuất các loại khí công nghiệp, khí y tế, đất đèn, các loại bột nhẹ (CaCO_3) và các loại sản phẩm chế biến từ đất đèn (không sản xuất tại trụ sở).

- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất Que hàn điện (không sản xuất tại trụ sở).

- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn: dịch vụ sửa chữa, kiểm tra các loại bình chứa khí công nghiệp.

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp: dịch vụ lắp đặt và cung cấp các thiết bị, dây chuyền sử dụng khí công nghiệp, lắp đặt và cung cấp các thiết bị sử dụng khí phục vụ y tế. Lắp đặt, bảo dưỡng, kiểm tra, sửa chữa hệ thống đường ống dẫn dùng trong phòng cháy chữa cháy.

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: mua bán sản phẩm khí đốt hóa lỏng.

- Bán buôn chuyên danh khác chưa được phân vào đâu: mua bán vật tư, phụ tùng phục vụ chuyên ngành khí công nghiệp và que hàn điện. Mua bán các loại khí công nghiệp, khí y tế, đất đèn, các loại bột nhẹ (CaCO_3) và các loại sản phẩm chế biến từ đất đèn.

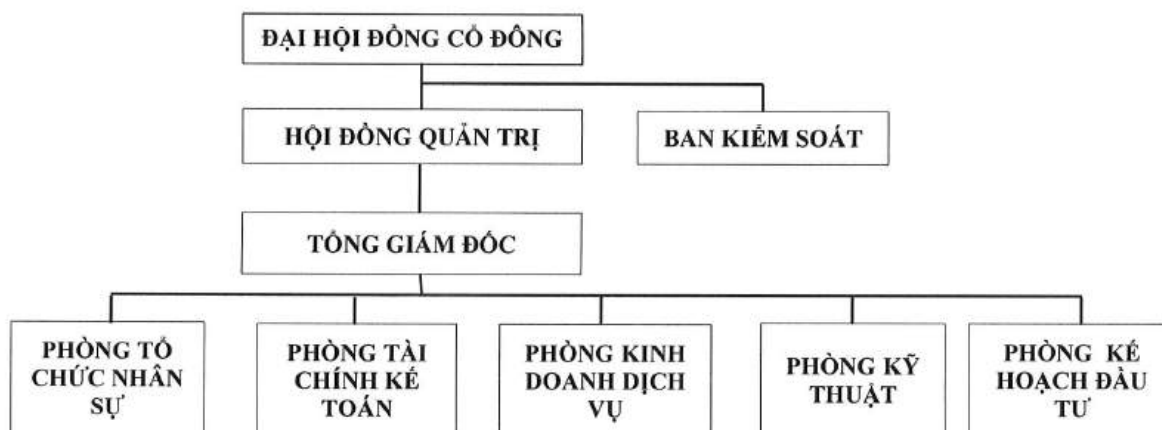
• Địa bàn kinh doanh

Các tỉnh phía Nam Việt Nam từ Phú Yên đến Cà Mau và các tỉnh phía Bắc: Hải Phòng, Hải Dương, Quảng Ninh và các tỉnh lân cận.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị:

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty hiện nay bao gồm:



• **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT và BKS gây thiệt hại cho Công ty cả cổ đông của công ty;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể công ty;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, quyết định bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán Công ty;
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ;
- Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán mỗi loại;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ;

• **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Bổ nhiệm, bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng Giám Đốc và quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hằng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Các quyền và nghĩa vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

- Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do ĐHCĐ bầu ra. Vai trò của Ban kiểm soát là đảm bảo các quyền lợi của cổ đông và giám sát các hoạt động của Công ty.

• Tổng giám đốc

- Họ và tên: Trịnh Anh Phong
- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Ngày/ tháng/ năm sinh: 23/03/1983 Quê quán: Hải Phòng
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 448/9B Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,
TP.HCM
- Địa chỉ hiện tại: 448/9B Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn:
 - o Kỹ sư Hóa – Đại học Bách Khoa TP.HCM;
 - o Thạc sĩ Hóa – Đào tạo tại Pháp;
 - o Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh – Đại học Maastricht Hà Lan;
 - o Trình độ chính trị: Cao cấp;
 - o Trình độ ngoại ngữ: Anh văn, Pháp văn giao tiếp.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
 - o Đại diện sở hữu cho Tập Đoàn Hóa Chất Việt Nam: 8.218.000 cổ phần
 - o Cá nhân sở hữu: 10.500 cổ phần

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày. Tổng giám đốc chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Tổng giám đốc có các quyền và nhiệm vụ:

- Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;

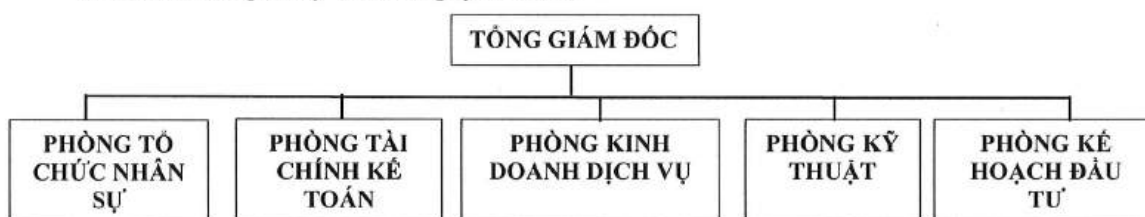
▪ Quyết định các vấn đề không cần phải có Nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

▪ Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do HĐQT đề xuất và tư vấn để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và điều khoản khác trong hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

▪ Các quyền và nghĩa vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

Sơ đồ cơ cấu quản lý của Công ty như sau:



• **Phòng tài chính kế toán**

▪ Tổ chức công tác tài chính, kế toán, hạch toán kinh tế và tổ chức bộ máy kế toán toàn Công ty theo đúng Pháp luật;

▪ Tham mưu cho Tổng giám đốc chỉ đạo các đơn vị, bộ phận trong Công ty thực hiện đúng đắn các chế độ tài chính, kế toán, tiền tệ; kịp thời phát hiện và ngăn ngừa tham ô, lãng phí, vi phạm nguyên tắc kinh tế, tài chính.

▪ Xây dựng kế hoạch sử dụng vốn, tài sản; quản lý, giám sát việc sử dụng vốn; phát huy hiệu quả dòng vốn; đề xuất hướng giải quyết, cân đối các nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển.

▪ Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán; bảo đảm phản ánh rõ ràng, chính xác, kịp thời thông tin, số liệu kế toán, tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản; quá trình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

▪ Phân tích hoạt động kinh tế, tài chính; tham mưu đề xuất những biện pháp phục vụ cho việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của Tổng Giám đốc.

▪ Đề xuất và thực hiện các hình thức thanh toán đối nội và thanh toán quốc tế.

▪ Tổ chức kiểm tra các đơn vị trực thuộc về các việc: thực hiện kế hoạch tài chính, các khoản thu, chi, thanh toán nợ, nộp ngân sách; thực hiện chế độ thanh toán, thực hiện hợp đồng kinh tế, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản, tiền vốn, kiểm tra việc thực hiện chế độ hạch toán kế toán, kiểm tra báo cáo kế toán, quyết toán tài chính (nếu có).

- **Phòng tổ chức nhân sự**

- Theo dõi pháp chế về hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc hoạt động kinh tế đúng pháp luật;
- Tham mưu Tổng giám đốc về tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh, bộ máy quản lý phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty;
- Tham mưu Tổng giám đốc về phân công quyền hạn, trách nhiệm và xây dựng sơ đồ tổ chức; xác định mối quan hệ về quyền hạn và phối hợp hoạt động của các phòng, bộ phận;
- Tham mưu Tổng giám đốc về hoạch định nguồn nhân lực, quy hoạch cán bộ, đề xuất bổ nhiệm, đề bạt các chức danh lãnh đạo của Phòng Công ty và Chi nhánh trực thuộc;
- Là thường trực của Hội đồng thi đua khen thưởng Công ty, Hội đồng lương Công ty;
- Đề xuất và thực hiện các thủ tục: Tuyển dụng, thôi việc, miễn nhiệm, hưu trí, điều động, kỷ luật và khen thưởng;
- Xây dựng đơn giá tiền lương, kế hoạch quỹ tiền lương; theo dõi việc thực hiện chế độ nâng bậc lương toàn Công ty;
- Soạn thảo Quy chế trả lương, trả thưởng, nâng lương, nâng bậc, Nội quy lao động, phối hợp với Công đoàn soạn thảo Thỏa ước lao động.
- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch đào tạo nghiệp vụ quản lý; phối hợp với phòng Kỹ thuật tổ chức đào tạo nghề cho công nhân;
- Xây dựng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ; định biên lao động; phối hợp với phòng Kỹ thuật xác định cấp bậc công việc, xây dựng định mức lao động;
- Thực hiện công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ an ninh, tổ chức hệ thống y tế, vệ sinh lao động. Cùng phòng Kỹ thuật thực hiện công tác bảo vệ môi trường, an toàn, bảo hộ lao động và phòng chống cháy nổ.
- Quản lý hồ sơ pháp lý của Công ty, hồ sơ hành chính và con dấu Công ty.

- **Phòng kế hoạch đầu tư**

1. Về kế hoạch:

- a) Xây dựng kế hoạch sản xuất – tiêu thụ - tài chính của Công ty hằng năm và tổ chức bảo vệ kế hoạch theo lịch xét duyệt của Tập Đoàn HCVN.
- b) Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh Tập Đoàn HCVN giao, xây dựng kế hoạch sản xuất, tiêu thụ hàng tháng, năm giao các Chi nhánh trực thuộc.
- c) Theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh tại các đơn vị thành viên, thống kê tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh toàn Công ty để phục vụ các cuộc họp điều độ sản xuất toàn Công ty và báo cáo Tập Đoàn HCVN, Tổng cục thống kê theo định kỳ, có phân tích nguyên nhân tăng giảm.

d) Phối hợp với phòng Tài vụ thực hiện kiểm tra quyết toán tài chính năm trước và giao kế hoạch giá thành – tài chính năm cho các đơn vị căn cứ thực hiện.

e) Phối hợp với Công đoàn ban hành các chỉ tiêu thi đua hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý để các đơn vị phấn đấu thực hiện.

f) Xây dựng phương án sản xuất kinh doanh của Chi nhánh trực thuộc công ty phù hợp nhiệm vụ kế hoạch toàn công ty.

g) Xây dựng phương án liên doanh, liên kết kinh tế. Phối hợp với phòng Đầu tư xây dựng dự án đầu tư đối với các công trình đầu tư lớn của Công ty.

h) Phụ trách công tác thư ký trong cuộc họp Điều độ sản xuất toàn Công ty.

2. Về cung ứng vật tư, thiết bị:

a) Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh và báo cáo tồn kho vật tư nguyên liệu chính tại các đơn vị thành viên, lập kế hoạch thu mua vật tư, nguyên liệu chính đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất của các đơn vị thành viên.

b) Thu thập thông tin mua hàng trong và ngoài nước, đánh giá, lựa chọn nhà cung ứng có giá cả cạnh tranh, chất lượng đảm bảo để trình Tổng giám đốc Công ty xem xét, phê duyệt.

c) Theo dõi tiếp nhận và tổ chức kiểm tra, nhập kho các vật tư, nguyên liệu chủ yếu.

d) Phối hợp với phòng Kỹ thuật theo dõi, quản lý tình hình thực hiện định mức vật tư, nguyên liệu chủ yếu tại các đơn vị thành viên sao cho tiết kiệm nhất.

e) Phối hợp với phòng Kỹ thuật đáp ứng yêu cầu về các thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị trực thuộc. Ra văn bản thông báo kiểm kê vật tư, tài sản toàn Công ty định kỳ và bất thường theo qui định của Nhà nước.

f) Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về việc đảm bảo thực hiện đầy đủ, đúng đắn các qui định của Nhà nước về đầu tư xây dựng, quản lý công trình.

g) Phối hợp với các phòng liên quan dự thảo phương án đầu tư.

h) Xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng hằng năm. Thực hiện các báo cáo theo qui định của Nhà nước về công tác đầu tư, xây dựng.

i) Lập hồ sơ mời thầu. Tổ chức đấu thầu đối với các dự án đầu tư của công ty. Trực tiếp giám sát tiến độ công trình đầu tư xây dựng, mua sắm thiết bị trong dự án đầu tư báo cáo Tổng giám đốc.

j) Quản lý xây dựng cơ bản nội bộ Công ty; theo dõi; kiểm tra việc xây dựng cơ bản tại các đơn vị trực thuộc. Kiểm tra thiết kế, dự toán và thực hiện các công trình xây dựng cơ bản nhỏ nội bộ Công ty.

k) Tổng hợp hồ sơ cho Tổng giám đốc xem xét và phê duyệt kế hoạch sửa chữa lớn nhà xưởng, vật kiến trúc.

l) Năm và báo cáo công tác quản lý đất đai do Công ty quản lý với các đơn vị chức năng liên quan.

- **Phòng kinh doanh dịch vụ**

- Nghiên cứu thông tin thị trường, xác định yêu cầu, nhu cầu của thị trường trong từng thời kỳ, từng khu vực. Lập phương án chiến lược về thị trường để làm căn cứ, cơ sở cho công việc xây dựng các dự án đầu tư phát triển của Công ty.

- Tham mưu cho Tổng giám đốc phân công thị trường nội bộ Công ty và Quy hoạch mở rộng thị trường.

- Tổ chức, điều hành hoạt động kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm trong toàn Công ty; đề xuất chính sách, phương án kinh doanh sản phẩm toàn Công ty; đề xuất yêu cầu cải tiến hoạt động kinh doanh để tăng sức cạnh tranh trong thị trường.

- Tổ chức hoạt động tiếp thị, đề xuất việc cung cấp nguồn lực cho hoạt động tiếp thị. Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ tiếp thị cho các đơn vị trực thuộc.

- Quy định cách thức quản lý luân chuyển chai, bồn chứa khí, hướng dẫn, tổ chức kiểm tra thực hiện.

- Tham mưu cho Tổng giám đốc về cơ chế tiêu thụ sản phẩm, hoa hồng, khuyến mại. Phụ trách hội chợ, website của Công ty và thương mại điện tử.

- Nhiệm vụ của Phòng Kinh doanh dịch vụ về công tác dịch vụ:

- Lắp đặt, bảo trì hệ thống dẫn truyền khí và lỏng tại các đơn vị trực thuộc khi có yêu cầu.

- Quản lý và thực hiện các Hợp đồng lắp đặt, bảo trì hệ thống khí y tế, khí công nghiệp tại các bệnh viện và cơ sở công nghiệp có yêu cầu. Phối hợp với phòng Kỹ thuật hướng dẫn khách hàng sử dụng hệ thống dẫn truyền khí và lỏng.

- Tham gia quá trình triển khai dịch vụ mới của Công ty.

- **Phòng Kỹ thuật**

- Xây dựng tiêu chuẩn (hoặc chuẩn chấp nhận) cho các nguyên vật liệu và sản phẩm của Công ty. Quản lý chất lượng sản phẩm toàn Công ty. Thực hiện công bố chất lượng sản phẩm. Tham mưu cho Tổng giám đốc về các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Xây dựng quy trình công nghệ. Hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị trực thuộc sản xuất sản phẩm đúng quy trình công nghệ, mẫu mã, chất lượng đã đăng ký hoặc công bố.

- Xây dựng và quản lý định mức tiêu hao vật tư. Thống kê, kiểm tra tình hình thực hiện định mức tại các Chi nhánh; tham mưu cho Tổng giám đốc về các biện pháp kỹ thuật để tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản xuất.

- Xây dựng tiêu chuẩn cấp bậc công nhân, phối hợp với phòng Tổ chức Nhân sự xác định định mức lao động.

- Tổ chức nghiên cứu sản phẩm mới; nghiên cứu cải tiến kỹ thuật. Phụ trách khiếu nại công nghiệp, sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu hàng hóa.

▪ Xác định các yêu cầu về dữ liệu kỹ thuật của máy móc thiết bị, kể cả thiết bị đo lường, phụ tùng, vật tư cần mua, thiết bị, phụ tùng cần sửa chữa hoặc gia công, xác định nhu cầu sử dụng thiết bị trong quá trình sản xuất.

▪ Phụ trách công tác sửa chữa lớn. Thiết kế gia công chế tạo phụ tùng. Hỗ trợ các chi nhánh trong việc sửa chữa máy móc thiết bị.

▪ Xây dựng kế hoạch khoa học công nghệ và môi trường, kế hoạch sửa chữa lớn, kế hoạch bảo hộ lao động của Công ty. Tổng hợp hồ sơ cho Tổng giám đốc xét và phê duyệt các kế hoạch này cho các đơn vị trực thuộc.

▪ Là thường trực của Hội đồng xét duyệt sáng kiến, Hội đồng Bảo hộ lao động, Hội đồng thi nâng bậc Công ty.

▪ Phụ trách công tác an toàn hóa chất. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường, PCCC, an toàn lao động, phụ trách đào tạo an toàn lao động, đào tạo vận hành, sử dụng các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

▪ Tổ chức mạng lưới an toàn vệ sinh viên và lực lượng phòng chống cháy nổ.

- Các công ty con, công ty liên kết:

• Công ty liên kết: không có

• Công ty con:

SOVIGAZ có Văn phòng chính đặt tại thành phố Hồ Chí Minh và chín (09) đơn vị trực thuộc, chi tiết như sau:

Văn phòng công ty

• Địa chỉ: 1 – 3 Nguyễn Trường Tộ, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh

• Số điện thoại: (84-208) 38262748

• Số fax: (84-208) 39400942

• Website: www.sovigaz.com.vn

• E-mail: info@sovigaz.com.vn

Các chi nhánh:

1) Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Biên Hòa – Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn

• Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường Số 2, Phường Trăn Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

• Số điện thoại: 0251 – 3836211

• Mã số chi nhánh: 0300422482 - 002

2) Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Nha Trang - Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn

• Địa chỉ: Lô A40, A41 Cụm Công nghiệp Diên Phú, Xã Diên Điền, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

• Số điện thoại: 0258 – 3831186

• Mã số chi nhánh: 0300422482 - 005

3) Xí nghiệp Que hàn Điện Khánh Hội - Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Hoi Kỹ Nghệ Que Hàn

• Địa chỉ: Lô C4, đường số 1, khu công nghiệp Nhứt Chánh, Xã Bình Đức, Tỉnh Tây Ninh.

• Số điện thoại: 0272 – 3637005

• Mã số chi nhánh: 0300422482 - 010

4) Xí nghiệp Hoi kỹ nghệ Que hàn Bình Dương - Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Hoi Kỹ Nghệ Que Hàn

• Địa chỉ: Ô 04, Lô A, Đường số 1, Khu công nghiệp Đồng An, Phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

• Số điện thoại: 0274 – 3765336

• Mã số chi nhánh: 0300422482 - 008

5) Xí nghiệp Hoi kỹ nghệ Cần Thơ - Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Hoi Kỹ Nghệ Que Hàn

• Địa chỉ: Đường Trục Chính, Khu Công Nghiệp Trà Nóc, Phường Thới An Đông, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

• Số điện thoại: 0292 – 3841297

• Mã số chi nhánh: 0300422482 - 004

6) Xí nghiệp Que hàn Điện Khánh Hội - Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Hoi Kỹ Nghệ Que Hàn

• Địa chỉ: 502 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh

7) Xí nghiệp Hoi kỹ nghệ Hải Phòng - Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Hoi Kỹ Nghệ Que Hàn

• Địa chỉ: Tổ dân phố Quyết Thành, Phường Bạch Đằng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

• Số điện thoại: 0225 – 3534502

• Mã số chi nhánh: 0300422482 - 006

8) Nhà máy Đắt đèn và Hóa chất Tràng Kênh - Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Hoi Kỹ Nghệ Que Hàn

• Địa chỉ: Thị trấn Minh Đức, Phường Bạch Đằng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

• Số điện thoại: 0225 – 3875146

- Mã số chi nhánh: 0300422482 - 009

9) Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Phan Rang - Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn

- Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn Tân Sơn 2, Phường Bảo An, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.
- Mã số chi nhánh: 0300422482 - 011

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Công ty giữ vững ổn định sản xuất về công suất, chất lượng và tiêu thụ tốt sản phẩm với giá cả linh hoạt; sản xuất luôn gắn liền với an toàn lao động, vệ sinh môi trường, tăng trưởng bền vững và đạt hiệu quả kinh tế phù hợp. Duy trì hoạt động ổn định của máy móc thiết bị, giữ vững và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, tìm kiếm thêm những nguồn cung ứng vật tư nguyên liệu, thiết bị để có giá cạnh tranh phục vụ cho sản xuất và dự phòng, rà soát và điều chỉnh lại (nếu có) hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật. Tiếp tục triển khai một cách đồng bộ, có hệ thống và chính quy công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

- Mục tiêu của Công ty là duy trì sản xuất ổn định, phát triển bền vững. Theo đó, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư chiều sâu, khai thác tốt tiềm năng, nội lực của Công ty nhằm nâng cao năng lực sản xuất, năng suất thiết bị công nghệ, năng suất lao động, chất lượng sản phẩm hàng hóa, thực hành tiết kiệm để giảm các chi phí sản xuất, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng sức cạnh tranh với sản phẩm cùng loại trên thị trường trong và ngoài nước.

- Nhìn chung, định hướng phát triển của Công ty trong thời gian tới là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành, cũng như chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

5. Các rủi ro:

Rủi ro ô nhiễm môi trường

Đặc thù của lĩnh vực sản xuất que hàn điện, các loại bột nhẹ, đất đèn và các sản phẩm từ đất đèn là có khả năng gây ô nhiễm môi trường. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực que hàn điện, các loại bột nhẹ, đất đèn và các loại sản phẩm từ đất đèn nên các vấn đề liên quan đến xử lý chất thải, giảm thiểu các tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường luôn được Công ty chú trọng, đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn của Nhà nước. Do đó, Công ty thường xuyên kiểm tra chất lượng sản phẩm và kiểm tra chất thải nhằm đảm bảo theo đúng quy chuẩn môi trường của Nhà nước. Công ty cũng tiếp tục cải tiến các dây chuyền.

Rủi ro giá nguyên vật liệu, năng lượng đầu vào

Chi phí nguyên vật liệu, năng lượng chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản xuất nên biến động của giá nguyên vật liệu, năng lượng đầu vào sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá vốn hàng bán và ảnh hưởng đến khả năng tạo lợi nhuận của Công ty. Thời gian gần đây, giá một số nguyên, nhiên

vật liệu như điện, than, xăng, dầu,... đều tăng đã đẩy chi phí sản xuất sản phẩm lên cao. Một phần nguyên liệu của Công ty được cung cấp từ các nguồn nhập khẩu, nên sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động tỷ giá ngoại tệ. Tuy nhiên, các nhà cung cấp nguyên liệu đầu vào của Công ty đều là các đối tác truyền thống, có năng lực, có uy tín trên thị trường nên Công ty vẫn ổn định được nguồn nguyên liệu cho sản xuất và giảm thiểu được những rủi ro đầu vào.

Rủi ro tài chính

Công ty thường xuyên phải huy động vốn từ các tổ chức tín dụng để đảm bảo cho nhu cầu vốn lưu động vốn lưu động và nhu cầu đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong khi đó, do ảnh hưởng của chính sách tiền tệ quốc gia, tình hình lãi suất trong các năm gần đây cũng có nhiều biến động bất thường. Trong trường hợp lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí hoạt động, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Công ty đang từng bước giảm thiểu rủi ro này thông qua các biện pháp nhằm giảm nhu cầu vốn lưu động, tăng vòng quay tiền tệ, tối ưu tỷ lệ tồn kho, cân đối hoạt động sản xuất và tiêu thụ...

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2025	% Tăng, giảm so với TH 2024	% Tăng, giảm so với KH 2025
Tổng tài sản	391.061.284.552	396.881.957.921	391.061.284.552	1,49%	1,49%
Vốn chủ sở hữu	303.707.675.066	304.387.618.811	299.500.000.000	0,22%	1,63%
Doanh thu thuần	237.441.759.165	278.726.453.648	251.000.000.000	17,39%	11,05%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(1.431.759.385)	(1.198.676.304)	(2.067.000.000)	16,28%	57,99%
Lợi nhuận khác	2.452.091.159	2.338.615.741	2.267.000.000	4,63%	103,16%
Lợi nhuận trước thuế	1.020.331.774	1.139.939.437	200.000.000	11,72%	569,97%
Lợi nhuận sau thuế	715.776.872	814.205.895	73.000.000	13,75%	1.115,35%

2. Tổ chức nhân sự

- Danh sách ban điều hành

Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
Trịnh Anh Phong	Tổng Giám Đốc	28,04%

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không có
- Số lượng cán bộ, nhân viên: 223 người.
- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

+ Từ ngày 01/07/2024 Công ty áp dụng mức lương tối thiểu vùng theo Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Chính phủ đối với người lao động làm việc ở các Chi nhánh.

- Vùng I:
 - Văn phòng Công ty
 - Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Que hàn Bình Dương
 - Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Biên Hòa
 - Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Hải Phòng
 - Nhà máy Đất đèn và Hóa chất Trảng Kênh
- Vùng II
 - Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Cần Thơ
 - Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Phan Rang
- Vùng III
 - Xí nghiệp Que hàn điện Khánh Hội
 - Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Nha Trang

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

- a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	%/2024
----------	----------	----------	--------

- Tổng giá trị tài sản	391.061.284.552	396.881.957.921	101,49%
- Doanh thu thuần	237.441.759.165	278.726.453.648	117,39%
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(1.431.759.385)	(1.198.676.304)	83,72%
- Lợi nhuận khác	2.452.091.159	2.338.615.741	95,37%
- Lợi nhuận trước thuế	1.020.331.774	1.139.939.437	111,72%
- Lợi nhuận sau thuế	715.776.872	814.205.895	113,75%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	1,80	1,91
+ Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn.	1,24	1,37
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,22	0,23
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,29	0,30
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho:		
• Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	5,4	6,27
• Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,61	0,70
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,30%	0,29%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,24%	0,27%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,18%	0,21%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	(0,6%)	(0,43%)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Tổng số cổ phần: 29.350.000 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

SỐ TT	Tên cá nhân/ Tổ chức	Phân loại cổ đông		Số CMND/ ĐKKD	Ngày cấp	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ CP nắm giữ
		Cổ đông Nhà nước	Cổ đông lớn				
1	Lê Ngọc Quang	x		025074000551	24/07/2021	28.809.800	98,16%
2	Trịnh Anh Phong	x		079083028382	07/04/2023		
3	Vì Hoàng Sơn	x		025088000155	16/06/2016		
4	Đào Văn Đức	x		001094035434	24/06/2021		

Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ:

Công ty không có cổ đông nước ngoài nào sở hữu cổ phiếu SVG

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường: Không có

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 66.274 triệu đồng.

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: *Không có*

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: chi phí đầu vào của công ty chủ yếu là điện để cho các máy móc thiết bị hoạt động. Năm 2025, Công ty sử dụng 43.719.618 Kwh

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: 855.341 Kwh

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Kết quả sản xuất và thực hiện định mức tiêu hao năm 2025.

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: 77.878 M³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: *Không có*

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không có*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không có*

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Tổng số người lao động (người)	242	223
Tổng quỹ lương (đồng)	27.756.267.802	28.590.000.000
Lương bình quân của người lao động (đồng/tháng)	9.557.943	10.683.857

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Đảm bảo các tiêu chuẩn quốc gia về an toàn và vệ sinh lao động đã được công bố và áp dụng. Các yếu tố nguy hiểm, có hại thường xuyên được kiểm tra, đánh giá, đo lường 1 năm/lần. Thường xuyên rà soát cải thiện điều kiện lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

- Cử người có chuyên môn phù hợp làm cán bộ chuyên trách về công tác an toàn, vệ sinh lao động.

- Đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đầy đủ cho người lao động.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ cá nhân cho người lao động. Tổ chức thực hiện nghiêm túc công tác an toàn vệ sinh lao động theo thông tư 07/2016 của Bộ Lao Động – Thương Binh và Xã Hội, trong đó chú trọng công tác đánh giá nguy cơ rủi ro và hướng dẫn người lao động tự đánh giá nguy cơ về rủi ro an toàn vệ sinh lao động nhằm chủ động phòng, ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; thực hiện công tác tự kiểm tra an toàn vệ sinh lao động.

- Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động là một trong những nội dung bắt buộc của công tác bảo hộ lao động, được duy trì liên tục trong quá trình sản xuất và kinh doanh của Công ty, nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn sức khỏe, đánh giá các yếu tố nguy hiểm, phòng tránh các tai nạn, sự cố trong quá trình làm việc; cũng như quyền, nghĩa vụ của người lao động trong việc chấp hành quy định ATVSLĐ.

Trong năm Công ty đã tổ chức đào tạo về: Huấn luyện ATVSLĐ cho người lao động trước khi nhận việc và được huấn luyện nhắc lại định kỳ mỗi năm một lần. Người lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ được huấn luyện ATVSLĐ có kiểm tra, sát hạch và cấp thẻ an toàn. Công tác huấn luyện ATLĐ-VSLĐ cho 06 nhóm đối tượng theo Nghị định số

44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 đã huấn luyện cho 223 người, trong đó có 174 người làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về An toàn – Vệ sinh lao động.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 năm từ 1 đến 2 lần tùy theo điều kiện lao động, tổng số lao động khám sức khỏe 223 người đạt 100%.

- Ngoài các chế độ theo quy định của Nhà nước Công ty đã xây dựng Quy chế chi tiêu trong đó quy định các khoản phụ cấp điện thoại, công tác phí, tiền xăng công tác, cơm ca,... Các khoản phụ cấp này là phần cộng thêm thu nhập hàng tháng nhằm hỗ trợ người lao động và giúp người lao động an tâm làm việc. Bên cạnh đó, người lao động được hưởng đầy đủ các khoản phúc lợi trong Thỏa ước lao động tập thể.

c) Hoạt động đào tạo người lao động.

- Công ty luôn chú trọng đến hoạt động đào tạo nhân lực nên hằng năm Công ty đưa ra mục tiêu chất lượng số giờ đào tạo chuyên môn trung bình mỗi năm: 50 giờ.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn được tổ chức thường xuyên theo yêu cầu để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty thường xuyên làm công tác từ thiện, tổng số tiền chi cho công tác từ thiện năm 2025 là 87 triệu đồng

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Tình hình chung

Năm 2025, Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que hàn thực hiện nhiệm vụ SXKD trong điều kiện có những khó khăn và thuận lợi cơ bản sau đây:

❖ Khó khăn

+ Đối với sản phẩm khí công nghiệp:

- Thị trường khí công nghiệp ngày một cạnh tranh gay gắt, quyết liệt, đặc biệt là cạnh tranh về giá bán sản phẩm do sự tham gia ngày càng nhiều của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, trong đó có nhiều doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài. Với lợi thế về tiềm lực tài chính và kinh nghiệm quốc tế, các doanh nghiệp này có khả năng đầu tư các dự án FDI quy mô lớn, qua đó tạo lợi thế về giá thành sản xuất so với Công ty.
- Nguồn cung các sản phẩm oxy, nito, argon hiện đã vượt nhu cầu tại thị trường Miền Nam và Miền Trung, khiến mức độ cạnh tranh về giá ngày càng quyết liệt.

- Bên cạnh đó việc triển khai đấu thầu qua mạng trong khối y tế tiếp tục làm giảm lợi thế cạnh tranh của Công ty, đồng thời làm tăng chi phí bán hàng và giảm giá bán sản phẩm. Giá bán oxy lỏng bình quân năm 2025 giảm 391,8 đồng/kg so với cùng kỳ.
- Ngoài ra, nhiều đơn vị thương mại tư nhân sử dụng thiết bị áp lực cũ (15 – 20 năm) nhập khẩu với giá thấp để cạnh tranh về giá bán, dẫn đến tình trạng cạnh tranh thiếu lành mạnh. Trong khi đó, phần lớn khách hàng khí y tế chủ yếu quan tâm đến giá bán mà chưa chú trọng đầy đủ đến các yếu tố an toàn, khiến thị trường tiềm ẩn nhiều rủi ro.

+ Đối với sản phẩm que hàn điện:

- Sản phẩm que hàn tiếp tục chịu sức ép cạnh tranh quyết liệt lớn từ các cơ sở sản xuất tư nhân trong nước. Đồng thời xu hướng sử dụng dây hàn TIG/MIG thay thế que hàn hồ quang tay ngày càng phổ biến, làm nhu cầu tiêu thụ que hàn của Công ty giảm đáng kể.

+ Chi phí SXKD tăng, đặc biệt là chi phí điện. Giá điện tăng 4,8% từ ngày 11/10/2024 và tiếp tục tăng 4,8% từ ngày 10/05/2025. Giá điện bình quân năm 2025 đạt 1.923 đồng/kWh, tăng 126 đồng so với năm 2024.

+ Chi phí lưu thông phục vụ công tác tiêu thụ sản phẩm cũng ngày một tăng do phát sinh tăng lệ phí cầu đường, lệ phí xin giấy phép vận chuyển giao hàng vào giờ cấm, đường cấm, cho các đơn vị nằm trong nội đô Thành phố HCM và các tỉnh thuộc địa bàn Công ty hoạt động.

+ Trong khi đó, để giữ thị trường trong bối cảnh ngày một cạnh tranh quyết liệt về mặt giá cả, Công ty không thể tăng giá bán cùng nhịp với giá đầu vào.

+ Chiến tranh giữa Nga và Ukraina làm giá xăng dầu phục vụ vận chuyển hàng hóa liên tục tăng, ảnh hưởng không nhỏ đến giá thành hoạt động vận chuyển và hiệu quả kinh doanh của Công ty trong năm 2025.

❖ Thuận lợi

+ Thương hiệu Sovigaz tiếp tục được khẳng định trên thị trường.

+ Công ty luôn kiên định phương châm hoạt động của Công ty là: “Chất lượng - An toàn - Tận tâm - Uy tín - Chuyên nghiệp”, đảm bảo đáp ứng kịp thời các yêu cầu của khách hàng mọi lúc, mọi nơi.

+ Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam, với vai trò là một cổ đông lớn của Công ty, thường xuyên quan tâm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi để Công ty phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ SXKD.

Tóm lại: Năm 2025, trong bối cảnh nền kinh tế thế giới cũng như trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, nội tại Công ty cũng gặp không ít khó khăn, cụ thể là do giá bán sản phẩm giảm sâu trong khi chi phí sản xuất - đặc biệt là chi phí điện ngày càng tăng, thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt.

Tuy nhiên, với sự đoàn kết và nỗ lực phấn đấu của tập thể người lao động, cùng sự chỉ đạo linh hoạt của Ban Lãnh đạo, Công ty đã từng bước khắc phục khó khăn, ổn định sản xuất và duy trì việc làm cho người lao động.

Kết quả SXKD của Công ty năm 2025, với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

+ Giá trị SXCN (giá thực tế): 305,030 tỷ đồng, đạt 116,75 % so c/kỳ; 107,98 % so KH năm.

- + Tổng DT: 278,726 tỷ đồng, đạt 117,39 % so c/kỳ; 111,05 % so KH năm.
- + Lợi nhuận: 1,140 tỷ đồng, đạt 111,76 % so cùng kỳ; 570,00 % so KH năm.

Tình hình tài chính

Trước những khó khăn về tình hình tài chính như chi phí sản xuất ngày một tăng, để bảo toàn và sử dụng hiệu quả đồng vốn, năm qua Công ty đã thực hiện hàng loạt các giải pháp sau:

- Quản lý thu, chi, tài sản và nguồn vốn của Công ty theo đúng quy định.
- Ưu tiên sử dụng vốn tự có của Công ty, hạn chế vay ngân hàng để giảm thiểu chi phí lãi vay.
- Không để tồn kho vật tư, hàng hóa khối lượng lớn để tránh gây ứ đọng vốn.
- Dùng nhiều biện pháp thúc đẩy thu hồi công nợ.
- Quản lý chặt chẽ chi phí tại các đơn vị thành viên.
- Cơ quan Kiểm toán độc lập đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty theo đúng quy định.
- Thực hiện kịp thời và đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước
- Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2025 theo đúng Nghị quyết Đại hội cổ đông.

2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Tiếp tục củng cố thương hiệu Sovigaz thông qua chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ.
- Tiếp tục đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác tiếp thị phù hợp với yêu cầu phát triển và đòi hỏi của thị trường.
- Giữ vững các khách hàng khí công nghiệp hiện có, bên cạnh đó, tích cực tiếp cận các khách hàng mới để khai thác, mở rộng thị trường, kể cả khách hàng sử dụng sản phẩm dạng khí và dạng lỏng.
- Quan tâm chặt chẽ đến công tác đấu thầu tại các Bệnh viện, tích cực tiếp cận để cập nhật kịp thời và chính xác các thông tin phục vụ công tác đấu thầu, nhằm giữ vững các khách hàng Bệnh viện, đặc biệt đối với một số Bệnh viện đóng trên địa bàn các Tỉnh miền Tây Nam bộ.
- Đa dạng hóa sản phẩm để đáp ứng nhu cầu nhiều mặt của thị trường vật liệu hàn, kể cả dây hàn và que hàn dân dụng.
- Tăng cường các hoạt động dịch vụ, kinh doanh vật tư, hàng hóa, đặc biệt đối với các sản phẩm CO2, đá khô, khí trộn, dịch vụ lắp đặt, để tăng doanh thu, tạo thêm thu nhập cải thiện đời sống NLD.
- Định biên, sắp xếp lao động, từ văn phòng Công ty đến các đơn vị thành viên sao cho tinh giản, gọn nhẹ, hiệu quả.
- Tăng cường hơn nữa công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ tại chỗ để chuẩn bị tốt đội ngũ cán bộ kế cận.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

a) Mục tiêu kinh tế

- Giá trị SXCN (giá thực tế): 301,97 tỷ đồng, đạt 98,99 % so với cùng kỳ.
- Tổng doanh thu: 276,10 tỷ, đạt 99,05 % so với cùng kỳ.
- Lợi nhuận: 400 triệu đồng, đạt 35,09% so với cùng kỳ.

b) Công tác lao động - tiền lương

- Phần đầu đạt mức thu nhập bình quân 1 NLD là 10.490.000 đồng/người/tháng, trên cơ sở phát triển sản xuất kinh doanh và tăng năng suất lao động.

- Vận động NLĐ tích cực tham gia các phong trào mang tính xã hội do Tập Đoàn Hóa Chất Việt Nam và địa phương phát động tổ chức.

4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)

- Công ty cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn, vốn Nhà nước chiếm 98,16%, là công ty cổ phần, có vốn Nhà nước chi phối nên Công ty phải thực hiện tiền lương theo quy định của nhà nước
- Số chi lương vượt 12.326 triệu đồng là số chi vượt của năm 2023 và năm 2024. Công ty chi lương theo kế hoạch tuy nhiên do thực hiện xuất kinh doanh của Công ty không đạt kế hoạch lợi nhuận, quỹ lương thực hiện bị giảm so với kế hoạch, nên quỹ lương bị chi vượt. Năm 2025 sản xuất kinh doanh Công ty còn rất nhiều khó khăn, quỹ lương còn thấp, trong khi Công ty phải chi trả lương cho người lao động để duy trì sản xuất làm cho khoản chi lương cho người lao động trong năm 2025 bị vượt 2.518 triệu đồng.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

+ Thực hiện thông tư số 36/2019/TT-BLĐ-TBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao Động – Thương Binh – Xã Hội về việc ban hành danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, năm 2024 Công ty đã thực hiện đăng ký, kiểm định để xin cấp giấy chứng nhận kiểm định lần đầu cho toàn bộ bồn lỏng mới nhập; gia hạn giấy phép sử dụng cho các dây chuyền, thiết bị sản xuất, các bồn chứa lỏng cố định và di động đến hạn kiểm định lại; báo cáo công tác ATVSLĐ gửi Sở Lao Động địa phương theo thông tư số 07/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15/05/2016 của Bộ Lao Động – Thương Binh - Xã Hội quy định một số nội dung tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động đối với cơ sở SXKD; khai báo sử dụng đối tượng kiểm định; báo cáo Sở Công Thương Thành Phố Hồ Chí Minh tình hình kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

+ Công tác vệ sinh môi trường cũng được công ty quan tâm đúng mức. Những khu vực chịu tiếng ồn lớn, bụi nhiều, nóng bức được cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động bằng nút tai chống ồn, khẩu trang chống bụi, quạt chống nóng.

+ Thực hiện Luật số: 72/2020/QH14 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 02 năm 2022, Công ty đã thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường được Sở Tài Nguyên Môi Trường tại các địa phương xác nhận; Công ty cũng lập sổ đăng ký quản lý nguồn chất thải nguy hại, thuê các đơn vị có chức năng tổ chức thực hiện xử lý chất thải; thực hiện giám sát quan trắc môi trường theo định kỳ và lập đủ hồ sơ về đề án bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng tiến hành đánh giá lại hệ thống quản lý chất lượng môi trường theo tiêu chuẩn ISO:14001:2015 và đã được cấp giấy chứng nhận.

+ Căn cứ Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ và Thông tư số 32/2017/TT-BTC ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn 1 số điều của Luật Hóa Chất, Công ty đã thực hiện hoàn tất việc xin cấp chứng nhận sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện cho 7 Chi nhánh và ban hành phiếu an toàn hóa chất cho các sản phẩm khí và lỏng của Công ty.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Năm 2025, dù trong điều kiện SXKD gặp nhiều khó khăn, Công ty vẫn cố gắng đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động. Tiền lương bình quân người lao động trong năm 2025 là 10.683.857 đồng/người/tháng.

IV. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

1.1. Nhân sự Hội đồng Quản trị

- Nhân dự HĐQT sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Hoi Kỳ Nghệ Que Hàn gồm 04 thành viên, trong đó:

- + Ông Lê Ngọc Quang : Chủ tịch HĐQT
- + Ông Trịnh Anh Phong : Thành viên HĐQT
- + Ông Vi Hoàng Sơn : Thành viên HĐQT
- + Ông Đào Văn Đức : Thành viên HĐQT

1.2. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2025

- Ngay từ đầu năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã nhận định do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới cũng như trong nước, tình hình SXKD Công ty gặp nhiều khó khăn, cụ thể như: Một số ngành công nghiệp thu hẹp sản xuất, kéo theo nhu cầu sử dụng các loại khí công nghiệp và que hàn điện của các khách hàng công nghiệp giảm sút; tình hình thị trường cạnh tranh ngày một gay gắt quyết liệt, giá bán oxy lỏng giảm sâu, đặc biệt đối với thị trường khu vực bệnh viện; chi phí sản xuất ngày một tăng như giá đầu vào CO2 lỏng, giá điện tăng lần 2 trong năm 2024 4,8% làm tăng chi phí điện trong 5 tháng đầu năm 2025, ngày 10/05/2025, giá điện tiếp tục tăng 4,8% làm tăng chi phí điện trong 7 tháng cuối năm 2025, chi phí xăng dầu, lệ phí cầu đường ngày một tăng,... làm ảnh hưởng lớn đến hiệu quả SXKD của Công ty năm 2025.

- Từ những nhận định nêu trên, để thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội cổ đông giao năm 2025, HĐQT Công ty đã tập trung chỉ đạo công tác quản trị doanh nghiệp, bám sát mục tiêu kế hoạch đã đề ra để chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh từng tháng, quý.

- Dù đã có chỉ đạo sát sao của HĐQT, cũng những nỗ lực của Ban điều hành và tập thể người lao động trong toàn Công ty, nhưng năm 2025 giá bán oxy lỏng giảm sâu, trong khi giá nguyên liệu đầu vào như CO2, giá điện tăng, cộng với ảnh hưởng suy thoái kinh tế, nhu cầu sử dụng khí công nghiệp của khách hàng công nghiệp giảm sút nhiều nên kết quả SXKD của Công ty 2025 vẫn đạt mức thấp, với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH SXKD năm 2025	Thực hiện	Tỷ lệ % thực hiện so KH	Tỷ lệ % thực hiện so cùng kỳ
1. Giá trị SXKD (theo giá th/tế)	Triệu đồng	273.569	305.030	111,50%	116,75%
2. Doanh thu	Triệu đồng	251.000	278.726	111,05%	116,00%
3. Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	200	1.140	570,00%	111,76%

1.3. Hoạt động của HĐQT năm 2025

Căn cứ vào các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với các hoạt động giám sát, chỉ đạo và đưa ra các Nghị quyết, Quyết định.

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức họp 10 phiên, lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản 19 lần. Căn cứ vào kết quả các cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản, thay mặt HĐQT, Chủ tịch HĐQT đã ký ban hành 35 Nghị quyết, 23 Quyết định.

Định kỳ hàng quý, HĐQT tổ chức họp kiểm tra, giám sát các hoạt động của Ban điều hành về:

- + Tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT.
- + Tình hình SXKD hàng quý, trong đó lưu ý các giải pháp cần thực hiện để giữ vững và phát triển thị trường nhằm tăng doanh thu; và tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh.
- + Tình hình công nợ tại các đơn vị thành viên, trong đó đặc biệt lưu ý các khoản nợ xấu.
- + Tình hình thực hiện định mức vật tư kỹ thuật.
- + Tình hình thực hiện KH đầu tư, mua sắm tài sản cố định.

Các phiên họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, đảm bảo 100% số các thành viên HĐQT tham gia, các nội dung biểu quyết đều đạt đồng thuận 100 %, các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự.

Các phiên họp HĐQT đều mời Ban kiểm soát tham gia, các vấn đề quan trọng HĐQT mời các Trưởng phòng Công ty và Lãnh đạo các Chi nhánh trực thuộc tham dự để tham khảo ý kiến, bổ sung thông tin, đảm bảo các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành kịp thời, có sự đồng thuận cao, nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành hoạt động, đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

1.4. Đánh giá hoạt động của HĐQT năm 2025

Tất cả các thành viên HĐQT đều được đào tạo bài bản về quản trị Công ty và có kinh nghiệm trong công tác quản lý, điều hành. Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện quyền lợi cho các cổ đông, năm 2025 HĐQT Công ty và từng thành viên đã thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của mình theo Quy chế hoạt động của HĐQT.

Năm 2025, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn đối với các hoạt động kiểm tra, giám sát, chỉ đạo và đưa ra các Nghị quyết, Quyết định.

2. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành

Nhận thức được những thách thức, khó khăn, đặc biệt là thị trường ngày một cạnh tranh gay gắt, cộng thêm ảnh hưởng nặng nề từ cuộc chiến giữa Nga và Ukraina, nên ngay từ đầu năm 2025 Ban điều hành Công ty đã bám sát mục tiêu kế hoạch để xây dựng các chương trình, kế hoạch làm việc nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD Đại hội cổ đông giao. Qua đánh giá của HĐQT, năm 2025 Ban điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD, thể hiện qua các mặt dưới đây:

- + Ổn định hoạt động SXKD dù trong điều kiện thị trường ngày một cạnh tranh gay gắt.
- + Giữ vững thị trường truyền thống, đặc biệt đối với khu vực khách hàng Bệnh viện.
- + Quản lý tốt chi phí SXKD tại các đơn vị thành viên.
- + Theo dõi sát tình hình thực hiện định mức tại các đơn vị thành viên để kịp chấn chỉnh khi cần thiết.

- + Quản lý tốt công tác vận hành, ATLĐ, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ.
- + Cân đối cơ cấu nguồn vốn hợp lý, phục vụ kịp thời nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh.
- + Quản lý tốt giá vật tư, nguyên liệu đầu vào, giữ mức tồn kho vật tư, hàng hóa vừa đủ, không gây ứ đọng vốn.
- + Triển khai kịp thời công tác đầu tư trang, thiết bị phục vụ SXKD, đáp ứng nhu cầu khách hàng và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty

3. Kế hoạch, định hướng hoạt động của Công ty năm 2025

Sau khi xem xét các mặt hoạt động SXKD của Công ty năm 2025, dự báo tình hình thị trường năm 2026, năng lực sản xuất và khả năng đáp ứng hiện tại; dự báo những thách thức, khó khăn trong năm 2026, HĐQT thống nhất đề xuất KH SXKD năm 2026 của Công ty với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH SXKD Năm 2026	Tỷ lệ % KH so T. hiện cùng kỳ
1. Giá trị SXCN (theo giá th/tế)	Tỷ đồng	301,967	99,00%
2. Doanh thu	Tỷ đồng	276,1	99,06%
3. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,4	35,09%
4. Mức cổ tức/VDL	%	Không chia cổ tức	Không chia cổ tức

Do tình hình thị trường còn nhiều biến động khó lường, đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào tình hình thực tế có thể điều chỉnh KH SXKD sao cho hợp lý, đảm bảo mang lại hiệu quả cao nhất.

Nhiệm vụ của HĐQT nhằm chỉ đạo hoàn thành KH SXKD năm 2025:

- + Tăng cường vai trò, trách nhiệm của từng thành viên HĐQT trên các lĩnh vực đã được phân công nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát các mặt hoạt động của Công ty theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, đảm bảo thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2025.
- + Bám sát diễn biến của thị trường để đưa ra những định hướng, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế, nhằm chỉ đạo thực hiện tốt nhất nhiệm vụ KH SXKD năm 2025.
- + Tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý trong toàn Công ty nhằm nâng cao năng lực quản trị, chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- + Tiếp tục chỉ đạo công tác đầu tư xây dựng cơ bản, đảm bảo tính kịp thời và hiệu quả sử dụng đồng vốn.
- + Tiếp tục chỉ đạo công tác thị trường trong điều kiện cạnh tranh ngày một quyết liệt, nhằm giữ vững khách hàng truyền thống và phát triển thêm khách hàng mới. Bên cạnh đó, phối hợp cùng Ban điều hành chỉ đạo phát triển sản phẩm mới để tăng doanh thu, tăng hiệu quả hoạt động.
- + Quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động; có cơ chế, chính sách tiền lương phù hợp để thu hút, giữ chân người lao động có trình độ, tay nghề chuyên môn cao.

+ Nghiên cứu phát triển một số sản phẩm mới như đá khô, khí trộn, dịch vụ lắp đặt để tăng doanh thu, cải thiện thu nhập cho người lao động.

+ Chỉ đạo xây dựng, ban hành bổ sung các quy chế.

+ Tiếp tục chỉ đạo kiện toàn bộ máy quản lý cấp Phòng ban, Xí nghiệp để nâng cao năng lực quản lý.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết		Chức vụ tại Công ty khác
			Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	
1	Ông Lê Ngọc Quang	Chủ tịch HĐQT TVHĐQT không điều hành	28.809.800	98,16%	- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam - Phó Tổng Giám Đốc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
2	Ông Vi Hoàng Sơn	Thành viên HĐQT không điều hành			- Phó trưởng ban TCKT Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
3	Ông Đào Văn Đức	Thành viên HĐQT không điều hành			- Phó Ban Trưởng ban Thư ký Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
4	Ông Trịnh Anh Phong	Thành viên HĐQT			- Giám Đốc Công Ty TNHH R-Ceutical

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2025, HĐQT đã phát huy hiệu quả vai trò chỉ đạo điều hành trong việc định hướng, xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh thông qua việc tổ chức các cuộc họp thường kỳ, ra các Nghị quyết/Quyết định trong phạm vi thẩm quyền, phối hợp chặt chẽ với Ban Giám đốc trong việc đưa ra chiến lược kinh doanh và công tác quản lý mọi mặt hoạt động của Công ty.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2025:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Chung	4/4	100%	Kết thúc nhiệm kỳ sau ĐHĐCĐ thường niên tháng 04/2025
2	Ông Lê Ngọc Quang	4/4	100%	Bắt đầu nhiệm kỳ sau ĐHĐCĐ thường niên tháng 04/2025
3	Bà Vũ Thanh Thủy	4/4	100%	Kết thúc nhiệm kỳ sau ĐHĐCĐ thường niên tháng 04/2025
4	Ông Vi Hoàng Sơn	4/4	100%	Bắt đầu nhiệm kỳ sau ĐHĐCĐ thường niên tháng 04/2025
5	Ông Đào Văn Đức	4/4	100%	Bắt đầu nhiệm kỳ sau ĐHĐCĐ thường niên tháng 04/2025
6	Ông Trịnh Anh Phong	8/8	100%	
7	Ông Đỗ Trọng Tín	4/4	100%	Kết thúc nhiệm kỳ sau ĐHĐCĐ thường niên tháng 04/2025
8	Ông Tạ Mạnh Hiền	4/4	100%	Kết thúc nhiệm kỳ sau ĐHĐCĐ thường niên tháng 04/2025

Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2025:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định.	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	22/NQ-HĐQT	22/1/2025	Nghị quyết: Cuộc họp Hội đồng quản trị Phiên 1 - năm 2025	100%

2	23/NQ-HĐQT	22/1/2025	Nghị quyết: Về việc thông qua hạn mức vay vốn tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Phòng giao dịch Lê Quang Định	100%
3	24/QĐ-HĐQT	22/1/2025	Quyết định: Về việc phê duyệt cho thanh lý Tài sản cố định - TSCĐ năm 2024 tại NM Đất đèn và Hóa chất Trảng Kênh, VP Công ty, XN HKN Hải Phòng	100%
4	42/NQ-HĐQT	21/2/2025	Nghị quyết: Cuộc họp Hội đồng quản trị Phiên 2 - năm 2025	100%
5	43/NQ-HĐQT	21/2/2025	Nghị quyết: Chấp thuận tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	100%
6	44/QĐ-HĐQT	21/2/2025	Quyết định: Về việc Thành lập Hội đồng xử lý nợ không có khả năng thu hồi của XN Bình Dương_năm 2025	100%
7	45/QĐ-HĐQT	21/2/2025	Quyết định: Về việc Phê duyệt phương án thanh lý tài sản không tính vào giá trị Doanh nghiệp	100%
8	46/QĐ-HĐQT	21/2/2025	Quyết định: Về việc Thành lập Hội đồng xử lý nợ không có khả năng thu hồi của XN Biên Hòa năm 2025	100%
9	47/QĐ-HĐQT	21/2/2025	Quyết định: Về việc Thành lập Hội đồng xử lý nợ không có khả năng thu hồi của XN Cần Thơ_năm 2025	100%
10	48/QĐ-HĐQT	21/2/2025	Quyết định: Về việc Thành lập Hội đồng xử lý nợ không có khả năng thu hồi của XN Nha Trang_năm 2025	100%
11	49/QĐ-HĐQT	21/2/2025	Quyết định: Về việc Thành lập Hội đồng xử lý nợ không có khả năng thu hồi của XN Hải Phòng_năm 2025	100%
12	50/QĐ-HĐQT	21/2/2025	Quyết định: Về việc Thành lập Hội đồng xử lý nợ không có khả năng thu hồi của XN QHD Khánh Hội_năm 2025	100%

13	51/QĐ-HĐQT	21/2/2025	Quyết định: Về việc Thành lập Hội đồng xử lý nợ không có khả năng thu hồi của NM Trảng Kênh_năm 2025	100%
14	71/NQ-HĐQT	5/3/2025	Nghị quyết: Cuộc họp Hội đồng quản trị Phiên 3 - năm 2025	100%
15	72/NQ-HĐQT	5/3/2025	Nghị quyết: Về thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (VCB HCM)	100%
16	73/NQ-HĐQT	5/3/2025	Nghị quyết: Về việc chấp thuận chủ trương ký hợp đồng giao dịch giữa Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn với “Người có liên quan”	100%
17	75/QĐ-HĐQT	5/3/2025	Quyết định: V.v Thành lập danh sách nhân sự Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	100%
18	76/QĐ-HĐQT	5/3/2025	Quyết định: V.v Thành lập danh sách nhân sự Tổ giúp việc cho Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	100%
19	77/QĐ-HĐQT	5/3/2025	Quyết định: V.v Thành lập danh sách nhân sự Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	100%
20	105/NQ-HĐQT	28/3/2025	Nghị quyết: Phê duyệt chương trình, tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	100%
21	121/NQ-HĐQT	3/4/2025	Nghị quyết: Phê duyệt Bổ sung Kế hoạch ĐTXD năm 2025_Hạng mục mua 01 xe nâng điện 1,5 tấn và đầu tư 01 xe tải 3,5 tấn -4 tấn	100%
22	122/NQ-HĐQT	3/4/2025	Nghị quyết: Phê duyệt BC KTKT_Đầu tư 01 bồn chứa lỏng di động dung tích 25m3	100%
23	123/NQ-HĐQT	3/4/2025	Nghị quyết: Phê duyệt Các BC có liên quan đến tài chính sẽ BC tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	100%

24	124/QĐ-HĐQT	3/4/2025	Quyết định: Phê duyệt BC KTKT_Đầu tư 01 bồn chứa lỏng di động dung tích 25m3	100%
25	134/NQ-HĐQT	15/4/2025	Nghị quyết: Danh sách nhân sự quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn giai đoạn 2021-2026 và giai đoạn 2026-2031 – Kỳ rà soát năm 2024	100%
26	135/QĐ-HĐQT	15/4/2025	Quyết định: Danh sách nhân sự quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn giai đoạn 2021-2026 và giai đoạn 2026-2031 – Kỳ rà soát năm 2024	100%
27	142/NQ-ĐHĐCĐ	19/4/2025	Nghị quyết: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
28	147/NQ-HĐQT	19/4/2025	Nghị quyết: Về việc bầu Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2025-2030	100%
29	169/NQ-HĐQT	12/5/2025	Nghị quyết: Phê duyệt Chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2025	100%
30	187/NQ-HĐQT	24/5/2025	Nghị quyết: Phê duyệt Vay vốn 55 tỷ đồng tại Vietinbank - CN01 TPHCM	100%
31	211/NQ-HĐQT	14/6/2025	Nghị quyết: V.v Phê duyệt đơn vị thực hiện Soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kê toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025; Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025	100%
32	223/NQ-HĐQT	24/6/2025	Nghị quyết: Giao thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư_Di dời Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Biên Hòa	100%
33	225/NQ-HĐQT	24/6/2025	Nghị quyết: Về việc trả lại các cơ sở nhà, đất không có nhu cầu sử dụng cho Nhà nước, chuyển giao cho địa phương	100%

			quản lý tại Nhà máy Đốt đèn và Hóa chất Trảng Kênh	
34	227/NQ-HĐQT	24/06/2025	Nghị quyết: Về việc ủy quyền thực hiện một số hạng mục đầu tư xây dựng năm 2025	100%
35	265/NQ-HĐQT	23/7/2025	Nghị quyết: Phê duyệt Kế hoạch triển khai công tác rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh quản lý Phòng, Chi nhánh của Công ty giai đoạn 2021-2026, và giai đoạn 2026-2031 (Kỳ rà soát năm 2025) (Tờ trình số 256/TTr-HĐQT ngày 21/7/2025)	100%
36	266/NQ-HĐQT	23/7/2025	Nghị quyết: Phê duyệt Kế hoạch triển khai công tác rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý Công ty giai đoạn 2021-2026, và giai đoạn 2026-2031 (Kỳ rà soát năm 2025) (Tờ trình số 257/TTr-HĐQT ngày 21/7/2025)	100%
37	267/QĐ-HĐQT	23/7/2025	Quyết định: Ban hành Kế hoạch triển khai công tác rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh quản lý Phòng, Chi nhánh của Công ty giai đoạn 2021-2026, và giai đoạn 2026-2031 (Kỳ rà soát năm 2025) (Tờ trình số 256/TTr-HĐQT ngày 21/7/2025)	100%
38	268/QĐ-HĐQT	23/7/2025	Quyết định: Ban hành Kế hoạch triển khai công tác rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh quản lý Phòng, Chi nhánh của Công ty giai đoạn 2021-2026, và giai đoạn 2026-2031 (Kỳ rà soát năm 2025) (Tờ trình số 257/TTr-HĐQT ngày 21/7/2025)	100%
39	285/NQ-HĐQT	25/7/2025	Nghị quyết: Mua lại tài sản đã bán đấu giá để phục vụ SXKD (TS trên đất 1-3 Nguyễn Trường Tộ, P13, Q4, TPHCM)	100%
40	300/NQ-HĐQT	07/8/2025	Nghị quyết: Phê duyệt Báo cáo KTKT dự án Di dời XN HKN Biên Hòa	100%

41	301/QĐ-HĐQT	07/8/2025	Quyết định: Phê duyệt Báo cáo KTKT dự án Di dời XN HKN Biên Hòa	100%
42	326/NQ-HĐQT	08/9/2025	Nghị quyết: Phê duyệt sáp nhập Phòng Kế hoạch Vật tư và Phòng Đầu tư Xây dựng	100%
43	327/QĐ-HĐQT	08/09/2025	Quyết định: Thành lập Phòng Kế hoạch Đầu tư (Đính kèm Quy định cơ cấu, chức năng của Phòng KHĐT)	100%
44	328/NQ-HĐQT	08/9/2025	Nghị quyết: Chấp thuận chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức, bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 18/NQ-TW	100%
45	344/NQ-HĐQT	19/9/2025	Nghị quyết: Về việc Bổ nhiệm Người Phụ trách quản trị Công ty	100%
46	345/QĐ-HĐQT	19/9/2025	Quyết định: Về việc Bổ nhiệm Người Phụ trách quản trị Công ty	100%
47	350/NQ-HĐQT	20/9/2025	Nghị quyết: Về việc phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý các phòng và chi nhánh trực thuộc Công ty CP Hơi kỹ nghệ Que hàn giai đoạn 2021-2026 và giai đoạn 2026-2031 tại kỳ rà soát năm 2025	100%
48	351/QĐ-HĐQT	20/9/2025	Quyết định: Về việc phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo phòng và chi nhánh trực thuộc Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn giai đoạn 2021-2026 và giai đoạn 2026-2031 tại kỳ rà soát năm 2025	100%
49	361/NQ-HĐQT	01/10/2025	Nghị quyết: Về việc chấp thuận thay đổi mẫu dấu Công ty	100%
50	362/QĐ-HĐQT	01/10/2025	Quyết định: Về việc phê duyệt thay đổi mẫu dấu Công ty	100%
51	374/NQ-HĐQT	09/10/2025	Nghị quyết: phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý Công ty CP Hơi kỹ nghệ	100%

			Que hàn giai đoạn 2021-2026 và giai đoạn 2026-2031 tại kỳ rà soát năm 2025	
52	375/QĐ-HĐQT	09/10/2025	Nghị quyết: Phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý Công ty CP Hời kỹ nghệ Que hàn giai đoạn 2021-2026 và giai đoạn 2026-2031 tại kỳ rà soát năm 2025	100%
53	387/NQ-HĐQT	22/10/2025	Nghị quyết: Về việc Phê duyệt ban hành Quy chế QLĐTXD của Cty CPHKN Que Hàn	100%
54	388/QĐ-HĐQT	22/10/2025	Quyết định: Về việc Ban hành Quy chế QLĐTXD của Cty CPHKN Que Hàn (Đính kèm Quy chế)	100%
55	431/NQ-HĐQT	29/11/2025	Nghị quyết: Thông qua Phương án sử dụng lao động khi bố trí, sắp xếp VP Công ty về XN HKN Bình Dương	100%
56	432/NQ-HĐQT	29/11/2025	Nghị quyết: Thông qua phương án sử dụng lao động khi hợp nhất XN HKN Biên Hòa vào XN HKN Bình Dương	100%
57	433/NQ-HĐQT	29/11/2025	Nghị quyết: Chấp thuận ý kiến bổ nhiệm Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư - Ông Phan Hồng Sâm	100%
58	448/NQ-HĐQT	11/12/2025	Nghị quyết: Về việc chấp thuận không thực hiện quy trình bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng Giám Công ty đối với Ông Tạ Mạnh Hiền	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và các tiểu ban trong HĐQT: Không có.

e) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Cty: Không có.

2. Ban Kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số hữu cổ phần có quyền biểu quyết	
			Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Mai Thị Lý	Trưởng BKS	200	0.0007%
2	Bà Võ Hồng Nhung	Thành viên BKS	2.000	0.007%
3	Ông Trương Tuấn Nghĩa	Thành viên BKS	0	0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác giám sát hoạt động của Công ty theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Cụ thể:

+ Thực hiện giám sát hoạt động và tuân thủ theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý điều hành Công ty.

+ Kiểm tra việc ban hành và thực thi các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

+ Kiểm soát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty tại một số Xí nghiệp.

+ Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của công ty theo quy định của pháp luật.

+ Kiểm tra tính chính xác, trung thực, hợp pháp trong việc lập báo cáo tài chính định kỳ, báo cáo kiểm toán năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán tài chính hiện hành.

- Ban Kiểm soát thực hiện các công tác khác theo chức năng nhiệm vụ.

- Cuộc họp của BKS:

STT	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Mai Thị Lý	3/3	100%	100%	
2	Bà Võ Hồng Nhung	3/3	100%	100%	
3	Ông Trương Tuấn Nghĩa	3/3	100%	100%	

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS:

a) Thù lao của HĐQT, BKS:

Chế độ lương, thưởng, thù lao của các thành viên HĐQT, BKS được hưởng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với chính sách lương, thưởng của Công ty.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		Năm 2025	Năm 2024
	Chức vụ	VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Thù lao thành viên Hội đồng quản trị			
- Trần Anh Vũ	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 27/04/2024)	-	20.000.000
- Nguyễn Đình Khoát	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 27/04/2024) (Miễn nhiệm từ ngày 02/10/2024)	-	25.000.000
- Nguyễn Văn Chung	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 02/10/2024) (Miễn nhiệm từ ngày 19/04/2025)	18.269.231	15.000.000
- Lê Ngọc Quang	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2025)	41.730.769	-
- Trịnh Anh Phong	Thành viên	48.000.000	48.000.000
- Vũ Thanh Thủy	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 19/04/2025)	14.615.385	-
- Đỗ Trọng Tín	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 19/04/2025)	14.615.385	48.000.000
- Tạ Mạnh Hiền	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 19/04/2025)	14.615.385	48.000.000
- Vi Hoàng Sơn	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2025)	33.384.615	-
- Đào Văn Đức	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2025)	33.384.615	-
		218.615.385	204.000.000
Thù lao thành viên Ban kiểm soát			
- Đặng Thủy Nga	Trưởng ban (Miễn nhiệm từ ngày 27/04/2024)	-	84.000.000
- Mai Thị Lý	Trưởng ban (Bổ nhiệm từ ngày 27/04/2024)	48.000.000	32.000.000
- Trương Tuấn Nghĩa	Thành viên	42.000.000	42.000.000
- Vũ Hồng Nhung	Thành viên	42.000.000	42.000.000
		132.000.000	200.000.000
Tiền lương, thưởng của Tổng Giám đốc và người quản lý khác			
- Trịnh Anh Phong	Tổng Giám đốc	312.000.000	312.000.000
- Tạ Mạnh Hiền	Phó Phó Tổng Giám đốc	276.000.000	276.000.000
- Mai Tử Phương	Kế toán trưởng	252.000.000	252.000.000
		840.000.000	840.000.000

Ngoại giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

c) Hợp đồng giao dịch với người nội bộ: Không có

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến của kiểm toán:

Ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo

cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN

THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trịnh Anh Phong



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN HƠI KỸ NGHỆ QUE HÀN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(đã được kiểm toán)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 46
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ que hàn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ que hàn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300422482 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 10 tháng 09 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1-3 Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Lê Ngọc Quang	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2025)
Ông: Nguyễn Văn Chung	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2025)
Ông: Trịnh Anh Phong	Thành viên	
Ông: Vi Hoàng Sơn	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2025)
Ông: Đào Văn Đức	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2025)
Bà: Vũ Thanh Thùy	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2025)
Ông: Đỗ Trọng Tín	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2025)
Ông: Tạ Mạnh Hiền	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2025)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Trịnh Anh Phong	Tổng Giám đốc
Ông: Tạ Mạnh Hiền	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Mai Thị Lý	Trưởng ban
Ông: Trương Tuấn Nghĩa	Thành viên
Bà: Võ Hồng Nhung	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Trịnh Anh Phong - Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty cam kết tuân thủ các yêu cầu của Luật chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 về việc sửa đổi Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC và Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC và Thông tư số 68/2024/TT-BTC.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trịnh Anh Phong
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ que hàn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ que hàn được lập ngày 06 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty đang ghi nhận phải thu người lao động đối với khoản chi vượt chi phí tiền lương và thưởng tết cho người lao động tại thời điểm 01/01/2025 và 31/12/2025 lần lượt là 12.326 triệu VND và 14.844 triệu VND (Chi tiết tại thuyết minh số 06). Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không đánh giá được tính phù hợp, khả năng thu hồi của các khoản nợ phải thu này cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến các khoản mục khác có liên quan đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ que hàn tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 23, bản thuyết minh Báo cáo tài chính mô tả về việc Công ty đang sử dụng 04 lô đất tại thành phố Hải Phòng theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm nhưng chưa ký hợp đồng thuê đất.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Ngọc Lân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1427-2023-002-1

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Đức Trọng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 4062-2024-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		147.068.242.921	122.268.869.445
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	15.963.730.384	7.896.499.838
111	1. Tiền		15.963.730.384	7.896.499.838
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	04	1.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		86.167.114.713	75.722.067.943
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	64.984.336.129	54.914.063.796
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	2.946.090.493	4.284.140.100
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	21.177.826.443	19.263.563.808
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.315.932.914)	(3.114.494.323)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	08	374.794.562	374.794.562
140	IV. Hàng tồn kho	10	42.076.393.267	37.848.342.666
141	1. Hàng tồn kho		42.076.393.267	37.848.342.666
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.861.004.557	801.958.998
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	115.783.294	163.056.000
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	1.745.221.263	638.902.998
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		249.813.715.000	268.792.415.107
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		339.071.700	779.825.442
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	339.071.700	779.825.442
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		237.903.234.001	257.223.070.134
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	211.135.039.398	217.301.487.497
222	- Nguyên giá		631.534.197.667	653.798.253.627
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(420.399.158.269)	(436.496.766.130)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	7.153.394.970	19.511.405.520
225	- Nguyên giá		10.554.137.408	26.054.578.954
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.400.742.438)	(6.543.173.434)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	19.614.799.633	20.410.177.117
228	- Nguyên giá		32.472.305.406	32.472.305.406
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.857.505.773)	(12.062.128.289)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
231	- Nguyên giá		-	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	721.175.943	866.995.619
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		721.175.943	866.995.619
260	V. Tài sản dài hạn khác		10.850.233.356	9.922.523.912
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	10.850.233.356	9.922.523.912
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		396.881.957.921	391.061.284.552

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		92.494.339.110	87.353.609.486
310	I. Nợ ngắn hạn		76.825.525.010	68.168.404.269
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	10.117.527.141	5.101.672.611
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	1.872.738.638	834.859.570
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	199.054.615	262.192.279
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	2.471.439.534	2.307.409.805
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	21	221.973.731	87.903.900
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	62.544.750.996	59.366.587.899
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		248.040.355	207.778.205
330	II. Nợ dài hạn		15.668.814.100	19.185.205.217
331	1. Phải trả người bán dài hạn	17	-	998.311.313
337	2. Phải trả dài hạn khác	21	13.589.814.100	13.918.525.152
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	2.079.000.000	4.268.368.752
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		304.387.618.811	303.707.675.066
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	304.387.618.811	303.707.675.066
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		293.500.000.000	293.500.000.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		293.500.000.000	293.500.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		6.296.332.248	6.081.599.186
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.591.286.563	4.126.075.880
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		3.777.080.668	3.410.299.008
421b	LNST chưa phân phối năm nay		814.205.895	715.776.872
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		396.881.957.921	391.061.284.552

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Đỗ Bá Thông

Kế toán trưởng



Mai Tứ Phương

Tổng Giám đốc



Trịnh Anh Phong

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	278.726.453.648	237.444.365.165
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	2.606.000
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		278.726.453.648	237.441.759.165
11	4. Giá vốn hàng bán	25	250.502.976.225	204.302.231.470
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		28.223.477.423	33.139.527.695
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	54.544.673	29.072.378
22	7. Chi phí tài chính	27	4.497.578.354	5.425.848.398
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.497.578.354	5.407.228.287
25	8. Chi phí bán hàng	28	9.432.523.506	9.022.935.422
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	15.546.596.540	20.151.575.638
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.198.676.304)	(1.431.759.385)
31	11. Thu nhập khác	30	3.897.731.609	2.818.925.455
32	12. Chi phí khác	31	1.559.115.868	366.834.296
40	13. Lợi nhuận khác		2.338.615.741	2.452.091.159
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.139.939.437	1.020.331.774
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	325.733.542	304.554.902
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		814.205.895	715.776.872
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	28	24

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Bá Thông



Mai Tứ Phương



Trịnh Anh Phong

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.139.939.437	1.020.331.774
	2. Điều chỉnh cho các khoản		25.751.308.062	27.587.812.079
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		22.592.903.161	22.981.790.112
03	- Các khoản dự phòng		201.438.591	877.267.296
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.540.612.044)	(1.678.473.616)
06	- Chi phí lãi vay		4.497.578.354	5.407.228.287
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		26.891.247.499	28.608.143.853
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(11.528.186.309)	9.172.056.951
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(4.228.050.601)	(327.262.137)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		4.096.813.688	(3.643.820.537)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(880.436.738)	(2.241.417.025)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.504.824.233)	(5.457.396.803)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(170.975.473)	(62.707.174)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		94.740.000	42.441.279
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(71.894.680)	(232.120.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		9.698.433.153	25.857.918.407
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.127.247.352)	(6.174.439.320)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.487.418.776	1.873.099.692
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.000.000.000)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		19.831.624	29.072.378
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.619.996.952)	(4.272.267.250)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		163.130.977.655	137.577.597.872
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(162.142.183.310)	(161.312.095.931)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		988.794.345	(23.734.498.059)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		8.067.230.546	(2.148.846.902)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		7.896.499.838	10.045.346.740
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	15.963.730.384	7.896.499.838

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Đỗ Bá Thông

Kế toán trưởng

Mai Tứ Phương

Tổng Giám đốc



Trịnh Anh Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hoi kỹ nghệ que hàn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300422482 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 10 tháng 09 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 1-3 Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 293.500.000.000 VND; tương đương 29.350.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 223 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 245 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh các loại khí công nghiệp và que hàn điện.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất hóa chất cơ bản. Chi tiết: Sản xuất các loại khí công nghiệp, khí y tế, đất đèn, các loại bột nhẹ (CaCO_3) và các loại sản phẩm chế biến từ đất đèn;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn. Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, kiểm tra các loại bình chứa khí công nghiệp;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Dịch vụ lắp đặt và cung cấp các thiết bị dây chuyền sử dụng công nghiệp; Lắp đặt và cung cấp các thiết bị sử dụng khí phục vụ y tế. Lắp đặt, bảo dưỡng, kiểm tra, sửa chữa hệ thống đường ống dẫn dùng trong phòng cháy chữa cháy;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Mua bán sản phẩm khí đốt hóa lỏng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Mua bán vật tư, phụ tùng phục vụ chuyên ngành khí công nghiệp và que hàn điện. Mua bán các loại khí công nghiệp, khí y tế, đất đèn, các loại bột nhẹ (CaCO_3) và các loại sản phẩm chế biến từ đất đèn. Và bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Trong năm 2025, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 41,28 tỷ VND, tương ứng mức tăng 17,4% so với cùng kỳ năm 2024. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 46,20 tỷ, tương ứng mức tăng 22,6% do chi phí nguyên vật liệu, chi phí điện và chi phí đầu vào tăng cao điều này dẫn đến Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 4,92 tỷ VND, tương ứng mức giảm 14,8% so với cùng kỳ năm 2024.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thành phố Hồ Chí Minh có các đơn vị Địa chỉ

Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Biên Hòa	Khu công nghiệp Biên Hòa I, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Cần Thơ	Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Thới An Đông, TP. Cần Thơ
Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Nha Trang	Cụm công nghiệp Diên Phú, xã Diên Điền, tỉnh Khánh Hòa
Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Hải Phòng	Tổ dân phố Quyết Thành, phường Bạch Đằng, TP. Hải Phòng
Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Bình Dương	Khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Nhà máy đất đèn và hóa chất Trảng Kênh	Phường Bạch Đằng, TP. Hải Phòng
Xí nghiệp que hàn điện Khánh Hội	Khu công nghiệp Nhứt Chánh, xã Bình Đức, tỉnh Tây Ninh
Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Phan Rang	Khu công nghiệp Phước Nam, xã Thuận Nam, tỉnh Khánh Hòa

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị, Công ty thực hiện sáp nhập Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Biên Hòa, Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Bình Dương vào Văn phòng Công ty và hoàn thành trong quý I năm 2026.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11. Tài sản cố định và Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	10 - 25 năm
- Phương tiện vận tải	10 - 15 năm
- Tài sản cố định dùng trong quản lý	08 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	43 - 45 năm
- Phần mềm quản lý	08 năm

2.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.
- Chi phí sửa chữa lớn Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 1 năm đến 3 năm.

2.14. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Công ty trích lập quỹ Đầu tư phát triển từ lợi nhuận thuần sau thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.17. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn.

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.19. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chênh lệch tỷ giá;
- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.21. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23. Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất hóa chất cơ bản, sản xuất các loại khí công nghiệp, khí y tế, đất đèn, các loại bột nhẹ (CaCO_3) và các loại sản phẩm chế biến từ đất đèn trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	2.126.513.829	1.014.744.407
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.837.216.555	6.881.755.431
	15.963.730.384	7.896.499.838

4. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	1.000.000.000	-	-	-
	1.000.000.000	-	-	-

Tại ngày 31/12/2025, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng có giá trị 1.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất 4,1%/năm.

Tại ngày 31/12/2025, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là tiền gửi có giá trị 1.000.000.000 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (xem chi tiết tại Thuyết minh 16).

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	11.010.940.259	-	2.691.962.459	-
- Xí nghiệp Cao su Bình Lợi - Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao su Miền Nam	10.770.524.559	-	2.431.579.694	-
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	11.934.000	-	8.128.500	-
- Công ty Cổ phần Sorbitol Pháp - Việt	204.570.500	-	204.570.500	-
- Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam	-	-	11.949.120	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Pin ắc quy miền Nam - Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai	21.222.000	-	23.457.600	-
- Công ty Cổ phần Phân bón miền Nam	2.689.200	-	7.225.200	-
- Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	-	-	5.051.845	-
Bên khác	53.973.395.870	(3.200.670.014)	52.222.101.337	(2.971.000.323)
- Công ty TNHH Phương Mạnh Tú	2.328.572.500	-	2.452.852.500	-
- Bệnh viện Chợ Rẫy	1.414.868.322	-	746.038.130	-
- Bệnh viện Nhân Dân 115	1.187.318.550	-	1.979.541.950	-
- Bệnh viện Bà Rịa	783.466.923	-	1.755.935.760	-
- Bệnh viện Thành phố Thủ Đức	1.389.601.472	-	1.950.385.268	-
- Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	796.806.220	-	732.699.432	-
- Bệnh viện Thống Nhất	271.629.050	-	166.199.040	-
- Các khách hàng khác	45.801.132.833	(3.200.670.014)	42.438.449.257	(2.971.000.323)
	64.984.336.129	(3.200.670.014)	54.914.063.796	(2.971.000.323)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	-	-	-	-
Bên khác	2.946.090.493	-	4.284.140.100	-
- Nikkiso Clean Energy and Industrial Gases (Sea) Sdn. Bhd.	-	-	2.298.816.720	-
- Công ty TNHH Xây lắp Đình Nguyễn	768.000.000	-	-	-
- Linyi Yongancylinder Trading Co.,Ltd	584.584.570	-	-	-
- Các khoản trả trước người bán khác	1.593.505.923	-	1.985.323.380	-
	2.946.090.493	-	4.284.140.100	-

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
- Phải thu về cổ phần hóa	-	-	94.740.000	-
- Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	33.361.644	-	-	-
- Phải thu tiền thuế GTGT đầu vào của tài sản thuê tài chính	65.477.828	-	440.999.638	-
- Phải thu người lao động ⁽ⁱ⁾	14.843.994.655	-	12.326.013.985	-
- Ký cược, ký quỹ ⁽ⁱⁱ⁾	2.565.148.692	-	1.970.665.318	-
- Kinh phí công đoàn	-	-	207.768.076	-
- Bảo hiểm xã hội	59.088.952	-	107.738.054	-
- Tạm ứng	3.432.211.772	-	3.966.644.737	-
- Phải thu khác	178.542.900	(115.262.900)	148.994.000	(143.494.000)
	21.177.826.443	(115.262.900)	19.263.563.808	(143.494.000)
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	159.500.000	-	486.910.849	-
- Mai Thị Lý	19.825.334	-	25.700.000	-
- Tạ Mạnh Hiền	271.042.878	-	253.162.878	-
- Trịnh Anh Phong	121.375.674	-	161.375.674	-
- Võ Hồng Nhung	159.500.000	-	486.910.849	-
Bên khác	21.018.326.443	(115.262.900)	18.776.652.959	(143.494.000)
- Võ Hồng Nhung	159.500.000	-	486.910.849	-
- Nguyễn Văn Quyền	260.509.435	-	270.059.435	-
- Lê Thị Phú Quý	245.356.164	-	320.321.586	-
- Các đối tượng khác	20.352.960.844	(115.262.900)	17.699.361.089	(143.494.000)
	21.177.826.443	(115.262.900)	19.263.563.808	(143.494.000)
b) Dài hạn				
b.1) Chi tiết theo nội dung				
- Ký cược, ký quỹ	339.071.700	-	779.825.442	-
	339.071.700	-	779.825.442	-

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	-	-	-	-
Bên khác	339.071.700	-	779.825.442	-
- Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	339.071.700	-	779.825.442	-
	339.071.700	-	779.825.442	-

(i) Số dư tại ngày 31/12/2025 bao gồm:

- Tiền lương đã chi cho người lao động trong năm 2023 vượt quá quỹ tiền lương năm 2023 được quyết toán là 8.743.628.959 VND ;
- Tiền lương, thưởng tết năm 2023 đã chi cho người lao động trong năm 2024 vượt quá quỹ lương năm 2023 được quyết toán là 3.582.385.026 VND.
- Tiền lương, thưởng tết năm 2024 đã chi cho người lao động trong năm 2025 vượt quá quỹ lương năm 2024 được quyết toán là 2.517.980.670 VND.

(ii) Số dư tại ngày 31/12/2025 chủ yếu là các khoản ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

8. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	31/12/2025	01/01/2025
	Giá trị VND	Giá trị VND
- Hàng tồn kho	374.794.562	374.794.562
	374.794.562	374.794.562

Tài sản thiếu chờ xử lý là hàng tồn kho với giá trị là 374.794.562 VND được xác định căn cứ theo Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ dụng cụ, sản phẩm hàng hóa ngày 06/10/2023. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa có Quyết định xử lý tài sản thiếu chờ xử lý nêu trên.

9. NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Phải thu khách hàng	3.200.670.014	-	2.971.000.323	-
Công ty Cổ phần Lisemco	601.720.624	-	601.720.624	-
Công ty Cổ phần Lisemco 5	792.904.862	-	792.904.862	-
Công ty Cổ phần Sorbitol Pháp - Việt	204.570.500	-	204.570.500	-
Tiêu Quốc An	203.397.774	-	203.397.774	-
Công ty Cổ phần Hà Đức - Vinashine	133.801.900	-	133.801.900	-
Công ty Cổ phần Haco Việt Nam	94.875.000	-	94.875.000	-
Các đối tượng khác	1.169.399.354	-	939.729.663	-

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
+ Phải thu khác	115.262.900	-	143.494.000	-
Vũ Đức Phi	50.631.900	-	50.631.900	-
Trịnh Thị Hiếu	49.011.000	-	49.011.000	-
Các đối tượng khác	15.620.000	-	43.851.100	-
	3.315.932.914	-	3.114.494.323	-

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	26.670.959.599	-	22.076.278.242	-
- Công cụ, dụng cụ	929.106.149	-	680.569.292	-
- Thành phẩm	12.371.223.251	-	13.941.594.703	-
- Hàng hóa	2.105.104.268	-	1.149.900.429	-
	42.076.393.267	-	37.848.342.666	-

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay: 20.000.000.000 VND.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản	721.175.943	866.995.619
Chi phí thiết kế xây dựng Xí nghiệp Nha Trang	374.306.364	374.306.364
Chi phí khảo sát thiết kế nhà văn phòng công ty	201.949.073	201.949.073
Xây dựng hệ thống Dàn nạp khí Argon tại Xí nghiệp Hải Phòng	-	128.766.600
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	144.920.506	161.973.582
	721.175.943	866.995.619

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	115.997.033.532	484.133.231.389	52.948.518.623	719.470.083	653.798.253.627
- Mua trong năm	198.411.509	3.127.129.039	53.703.704	-	3.379.244.252
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-	13.576.083.456	1.924.358.090	-	15.500.441.546
- Thanh lý, nhượng bán	(9.388.775.189)	(31.576.519.169)	-	(178.447.400)	(41.143.741.758)
Số dư cuối năm	106.806.669.852	469.259.924.715	54.926.580.417	541.022.683	631.534.197.667
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	72.328.119.184	320.517.091.809	43.022.080.054	629.475.083	436.496.766.130
- Khấu hao trong năm	3.481.676.138	14.405.414.259	1.860.300.911	13.170.000	19.760.561.308
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-	4.137.034.733	1.042.360.632	-	5.179.395.365
- Thanh lý, nhượng bán	(9.282.597.965)	(31.576.519.169)	-	(178.447.400)	(41.037.564.534)
Số dư cuối năm	66.527.197.357	307.483.021.632	45.924.741.597	464.197.683	420.399.158.269
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	43.668.914.348	163.616.139.580	9.926.438.569	89.995.000	217.301.487.497
Tại ngày cuối năm	40.279.472.495	161.776.903.083	9.001.838.820	76.825.000	211.135.039.398

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 130.263.463.605 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 164.533.170.391 VND.

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	17.054.805.846	8.999.773.108	26.054.578.954
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(13.576.083.456)	(1.924.358.090)	(15.500.441.546)
Số dư cuối năm	<u>3.478.722.390</u>	<u>7.075.415.018</u>	<u>10.554.137.408</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	4.093.660.582	2.449.512.852	6.543.173.434
- Khấu hao trong năm	740.327.586	1.296.636.783	2.036.964.369
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(4.137.034.733)	(1.042.360.632)	(5.179.395.365)
Số dư cuối năm	<u>696.953.435</u>	<u>2.703.789.003</u>	<u>3.400.742.438</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	12.961.145.264	6.550.260.256	19.511.405.520
Tại ngày cuối năm	<u>2.781.768.955</u>	<u>4.371.626.015</u>	<u>7.153.394.970</u>

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	31.703.828.206	768.477.200	32.472.305.406
Số dư cuối năm	<u>31.703.828.206</u>	<u>768.477.200</u>	<u>32.472.305.406</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	11.755.835.451	306.292.838	12.062.128.289
- Khấu hao trong năm	699.317.834	96.059.650	795.377.484
Số dư cuối năm	<u>12.455.153.285</u>	<u>402.352.488</u>	<u>12.857.505.773</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	19.947.992.755	462.184.362	20.410.177.117
Tại ngày cuối năm	<u>19.248.674.921</u>	<u>366.124.712</u>	<u>19.614.799.633</u>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 12.218.163.856

(*) Giá trị quyền sử dụng đất bao gồm:

- + Quyền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp Đồng An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh), có thời hạn 44 năm tính từ ngày 29/03/2002, diện tích 17.255 m², thời gian khấu hao là 43 năm;
- + Quyền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp Nhứt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An (nay là Khu công nghiệp Nhứt Chánh, xã Bình Đức, tỉnh Tây Ninh), có thời hạn đến hết ngày 02/10/2057, diện tích 11.900 m², thời gian khấu hao là 45 năm.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.452.828.021	2.535.982.353
- Chi phí bảo hiểm	72.289.169	171.157.826
- Tiền thuê nhà xưởng, thuê xe trả trước chờ phân bổ	338.088.468	106.785.276
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	8.987.027.698	7.108.598.457
	10.850.233.356	9.922.523.912

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm	
	Giá trị VND	VND	VND	VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn	55.325.925.307	55.325.925.307	161.773.208.903	156.197.522.891	60.901.611.319	60.901.611.319
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh (1)	23.978.942.194	23.978.942.194	84.536.099.911	79.181.592.991	29.333.449.114	29.333.449.114
+ Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hồ Chí Minh (2)	12.271.931.397	12.271.931.397	36.755.411.269	37.322.580.487	11.704.762.179	11.704.762.179
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (3)	19.075.051.716	19.075.051.716	40.481.697.723	39.693.349.413	19.863.400.026	19.863.400.026
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	4.040.662.592	4.040.662.592	2.189.368.752	4.586.891.667	1.643.139.677	1.643.139.677
+ Ngân hàng TMCP Á Châu (4)	831.600.000	831.600.000	831.600.000	831.600.000	831.600.000	831.600.000
+ Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (5)	3.209.062.592	3.209.062.592	1.357.768.752	3.755.291.667	811.539.677	811.539.677
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn	3.742.200.000	3.742.200.000	-	831.600.000	2.910.600.000	2.910.600.000
+ Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hồ Chí Minh (4)	3.742.200.000	3.742.200.000	-	831.600.000	2.910.600.000	2.910.600.000
- Nợ thuê tài chính dài hạn	4.566.831.344	4.566.831.344	1.357.768.752	5.113.060.419	811.539.677	811.539.677
+ Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (5)	4.566.831.344	4.566.831.344	1.357.768.752	5.113.060.419	811.539.677	811.539.677
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	8.309.031.344	8.309.031.344	1.357.768.752	5.944.660.419	3.722.139.677	3.722.139.677
	(4.040.662.592)	(4.040.662.592)	(2.189.368.752)	(4.586.891.667)	(1.643.139.677)	(1.643.139.677)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	4.268.368.752	4.268.368.752			2.079.000.000	2.079.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:
Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

Bên liên quan	Hợp đồng vay	Loại tiền	Lãi suất	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	31/12/2025	01/01/2025
								VND	VND
								-	-
Bên khác									
(1) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. HCM	006/2025-HDCVHM/NHC T902-SOVIGAZ ngày 30/06/2025	VND	Theo khế ước nhận nợ	Theo từng khế ước nhận nợ	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động	(i)	60.901.611.319	55.325.925.307
								29.333.449.114	23.978.942.194
(2) Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh TP. HCM	LQD.DN.299.06 0125 ngày 12/02/2025	VND	Theo khế ước nhận nợ	Theo từng khế ước nhận nợ	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động	(ii)	11.704.762.179	12.271.931.397
(3) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	0017/6838327/2 5-DN3/N-CTD ngày 14/03/2025	VND	Theo khế ước nhận nợ	Theo từng khế ước nhận nợ	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động	(iii)	19.863.400.026	19.075.051.716
								60.901.611.319	55.325.925.307

- (i) Hình thức bảo đảm nợ vay: Thế chấp bằng tài sản của bên vay, bao gồm:
- Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền đất của Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn tại KCN Đồng An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh) với diện tích 17.255m², thời hạn sử dụng đến tháng 03/2046 theo Hợp đồng thế chấp số 018/2013-HDTC-KH1 ngày 07/06/2013 và các phụ lục đính kèm;
 - Tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm toàn bộ nhà xưởng sản xuất, văn phòng làm việc, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và máy móc thiết bị thuộc dây chuyền sản xuất Oxy - Nito - Argon công suất 3.000 Nm³/h tại KCN Đồng An, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 099/2007/HĐTC-KH1 ngày 02/11/2007 và các phụ lục đính kèm.
- (ii) Hình thức bảo đảm nợ vay: Thế chấp bằng tài sản của bên vay, bao gồm: Bất động sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 3262; tờ bản đồ số 3 - xã Nhứt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An (nay là xã Bình Đức, tỉnh Tây Ninh); Chủ sở hữu: Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que hàn; Trị giá: 47.147.977.500 VND.
- (iii) Hình thức bảo đảm nợ vay: Thế chấp bằng tài sản của bên vay, bao gồm:
- Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh trị giá 20.000.000.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 0131/2175/TCDN3 ký ngày 04/10/2021;
 - Số dư tiền gửi 1.000.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số 16/6838327/25-DN3/CC ngày 14/03/2025.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Hợp đồng vay	Loại tiền	Lãi suất	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức	
							bảo đảm	
							31/12/2025	01/01/2025
							VND	VND
Bên liên quan								
Bên khác								
(4) Ngân hàng	LQD.DN.1524.1	VND	Theo khế	60 tháng	27/06/2029	Vay đầu tư máy	(iv)	8.309.031.344
TMCP Á Châu - 50524 ngày			ước nhận			móc, thiết bị		3.742.200.000
CN TP. HCM	26/06/2024		nợ					4.566.831.344
(5) Công ty Cho thuê								
tài chính Ngân								
hàng TMCP								
Ngoại thương								
Việt Nam								

Công ty Cổ phần Hoi ky nghệ que hàn

Số 1-3 Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Hợp đồng vay	Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	31/12/2025	01/01/2025
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam 95.21.05/CTTC ngày 23/09/2021	VND	Chính định kỳ 6 tháng/lần	48 tháng	23/09/2025	Bổ sung vốn lưu động	01 bồn chứa Oxy lỏng	VND -	VND 171.676.046
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam 95.21.06/CTTC ngày 20/12/2021	VND	Chính định kỳ 6 tháng/lần	48 tháng	08/06/2026	Bổ sung vốn lưu động	01 bồn chứa Oxy lỏng	64.494.382	192.025.630
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam 95.21.07/CTTC ngày 20/12/2021	VND	Chính định kỳ 6 tháng/lần	48 tháng	20/12/2025	Bổ sung vốn lưu động	02 bồn Microbulk	-	156.532.720
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam 95.21.08/CTTC ngày 20/12/2021	VND	Chính định kỳ 6 tháng/lần	48 tháng	20/12/2025	Bổ sung vốn lưu động	08 bồn Microbulk	-	784.898.400
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam 95.21.09/CTTC ngày 30/12/2021	VND	Chính định kỳ 6 tháng/lần	48 tháng	20/03/2026	Bổ sung vốn lưu động	01 xe bồn chở lỏng	119.930.015	588.930.011

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
<i>Bên liên quan</i>				
- Công ty Cổ phần Thiết kế công nghiệp hóa chất	15.969.790	15.969.790	15.969.790	15.969.790
<i>Bên khác</i>	10.101.557.351	10.101.557.351	5.085.702.821	5.085.702.821
- Công ty TNHH Trần Lê Anh	1.790.251.200	1.790.251.200	1.675.892.160	1.675.892.160
- Công ty TNHH Tự động hóa và Hóa chất TAMAH	196.560.000	196.560.000	172.800.000	172.800.000
- Công ty TNHH Phương Mạnh Tú	381.240.000	381.240.000	158.760.000	158.760.000
- Công ty TNHH Brenntag Việt Nam	4.758.663.168	4.758.663.168	-	-
- Đối tượng khác	2.974.842.983	2.974.842.983	3.078.250.661	3.078.250.661
	10.117.527.141	10.117.527.141	5.101.672.611	5.101.672.611
b) Dài hạn				
<i>Bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Bên khác</i>	-	-	998.311.313	-
- Công ty Cổ phần Hóa chất công nghiệp Tân Long	-	-	977.631.655	-
- Đối tượng khác	-	-	20.679.658	-
	-	-	998.311.313	-

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	-	-
<i>Bên khác</i>	1.872.738.638	834.859.570
- Công ty Cổ phần Địa ốc Việt	695.250.000	695.250.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Tổng hợp Minh Thành Phát	1.125.031.900	-
- Các khách hàng khác	52.456.738	139.609.570
	1.872.738.638	834.859.570

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	262.192.279	5.648.493.032	5.711.630.696	-	199.054.615
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	548.516.680	-	325.733.542	170.975.473	393.758.611	-
- Thuế thu nhập cá nhân	90.386.318	-	183.498.854	105.910.590	12.798.054	-
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất (*)	-	-	2.398.177.052	3.736.841.650	1.338.664.598	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	11.000.000	11.000.000	-	-
	638.902.998	262.192.279	8.566.902.480	9.736.358.409	1.745.221.263	199.054.615

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(*) Trong năm Công ty nhận được các Quyết định giảm tiền thuế đất như sau:

- Công ty được giảm 30% tiền thuế đất phải nộp năm 2025 theo quyết định số 7181/QĐ-TPHCM ngày 08/09/2025 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh với khu đất tại 1-3 Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh diện tích 1.186,9 m² số tiền là 802.103.378 đồng.
- Công ty được giảm 30% tiền thuế đất phải nộp năm 2025 theo quyết định số 854/QĐ-KHH ngày 03/10/2025 của Cục thuế Tỉnh Khánh Hòa với khu đất tại Lô A40, A41 Cụm Công nghiệp Diên Phú, huyện Diên Khánh (nay là xã Diên Điện, tỉnh Khánh Hòa) diện tích 19.390,1 m² số tiền là 27.910.110 đồng.

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	64.004.801	71.250.680
- Chi phí tiền điện	2.322.491.799	2.160.118.843
- Chi phí phải trả khác	84.942.934	76.040.282
	2.471.439.534	2.307.409.805

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a.1) Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	164.206.011	-
- Phải trả về cổ phần hóa	22.105.320	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	35.662.400	87.903.900
<i>Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam</i>	-	50.000.000
<i>Công ty Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Delta</i>	-	33.604.000
<i>Phải trả khác</i>	35.662.400	4.299.900
	221.973.731	87.903.900
b) Dài hạn		
b.1) Chi tiết theo nội dung		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	13.589.814.100	13.918.525.152
<i>Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức</i>	200.000.000	200.000.000
<i>Bệnh viện Quận 11</i>	35.000.000	35.000.000
<i>Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn -</i>	204.000.000	204.000.000
<i>Các đối tượng khác</i>	13.150.814.100	13.479.525.152
	13.589.814.100	13.918.525.152

(*) Chủ yếu là tiền ký quỹ vô chai

c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan

- Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	-	50.000.000
	-	50.000.000

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	293.500.000.000	6.081.599.186	3.410.299.008	302.991.898.194
Lãi trong năm trước	-	-	715.776.872	715.776.872
Số dư cuối năm trước	293.500.000.000	6.081.599.186	4.126.075.880	303.707.675.066
Số dư đầu năm nay	293.500.000.000	6.081.599.186	4.126.075.880	303.707.675.066
Lãi trong năm nay	-	-	814.205.895	814.205.895
Phân phối lợi nhuận	-	214.733.062	(348.995.212)	(134.262.150)
Số dư cuối năm nay	293.500.000.000	6.296.332.248	4.591.286.563	304.387.618.811

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 142/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 04 năm 2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		715.776.872
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	30%	214.733.062
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	18,76%	134.262.150

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	288.098.000.000	98,16	288.098.000.000	98,16
Cổ đông khác	5.402.000.000	1,84	5.402.000.000	1,84
Tổng cộng	293.500.000.000	100,00	293.500.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	293.500.000.000	293.500.000.000
- Vốn góp cuối năm	293.500.000.000	293.500.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.350.000	29.350.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	29.350.000	29.350.000
- Cổ phiếu phổ thông	29.350.000	29.350.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.350.000	29.350.000
- Cổ phiếu phổ thông	29.350.000	29.350.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	6.296.332.248	6.081.599.186
	6.296.332.248	6.081.599.186

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Tên lô đất/Địa điểm lô đất	Diện tích thuê	Thời gian thuê	Mục đích sử dụng
Khu đất tại đường số 1, KCN Đồng An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh)	17.255 m2	Đến tháng 03/2046	Xây dựng cơ bản (Xây dựng nhà máy)
Khu đất tại đường 2, KCN Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai)	24.837,5 m2	01/07/2001 - 12/04/2051	Xây dựng cơ bản (Xây dựng nhà máy)
Lô đất số 23, KCN Trà Nóc I, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ (nay là Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Thới An Đông, TP. Cần Thơ)	5.582,74 m2	01/01/2006 - 31/12/2045	Sản xuất kinh doanh
KCN Diên Phú, Huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa (nay là Cụm công nghiệp Diên Phú, xã Diên Điền, tỉnh Khánh Hòa)	19.390,1 m2	27/04/2007 - 03/06/2054	Xây dựng nhà xưởng sản xuất khí Công nghiệp
Lô đất tại Thửa đất số 27, 28 thuộc tờ bản đồ số 12, xã Thành Hải, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận (nay là Quốc lộ 1A, thôn Tân Sơn 2, Phường Bảo An, tỉnh Khánh Hòa)	1.062,9 m2	14/08/2025 - 31/12/2035	Dùng làm xưởng sản xuất
Lô đất tại số 01-03 Nguyễn Trường Tộ, quận 4, TP. Hồ Chí Minh (nay là 01-03 Nguyễn Trường Tộ, phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh)	1.186,9 m2	28/01/2015 - 28/01/2065	Văn phòng làm việc
Lô đất tại KCN Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An (nay là Khu công nghiệp Nhựt Chánh, xã Bình Đức, tỉnh Tây Ninh)	11.924 m2	23/01/2007 - 09/6/2057	Xây dựng nhà xưởng sản xuất Que hàn

Công ty đang sử dụng 04 lô đất tại thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng (nay là Phường Bạch Đằng, TP. Hải Phòng) theo các Quyết định giao đất của UBND Thành phố Hải Phòng, hình thức thuê đất trả tiền hàng năm theo phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn mà chưa ký hợp đồng thuê đất, bao gồm:

- Lô số 01: Diện tích 3.990 m² theo Quyết định số 684/QĐ-XDCB ngày 08/10/1977;
- Lô số 02: Diện tích 10.730 m² theo Quyết định số 362/QĐQMTK ngày 19/10/1970;
- Lô số 03: Diện tích 21.175 m² theo Quyết định số 968/QĐ-XDCB ngày 04/10/1979;
- Lô số 04: Diện tích 9.750 m² theo Quyết định số 768/QĐ-UB ngày 08/11/1978.

Năm 2025, tiền thuê các lô đất này đã được thanh toán theo 2 đợt vào ngày 29/05/2025 và ngày 12/09/2025 theo thông báo số 2405/TB-CCTKV03 ngày 26/05/2025 của UBND.

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Công nghiệp Tàu thủy Hậu Giang	241.859.021	241.859.021
- Công ty CP Công nghiệp Nông Thủy sản Phú Yên	164.511.966	164.511.966
- Công ty TNHH KD VLXD Phan Thanh	164.508.000	164.508.000
- Công ty TNHH Thi công Cơ giới Hồng Phát	69.894.000	69.894.000
- Công ty TNHH Thiên Sơn (Vũ Quốc Hưng)	134.928.675	134.928.675
- Công ty TNHH TM Hương Thủy	84.897.500	84.897.500
- Công ty ORY INTERNATIONAL	58.360.000	58.360.000
- DNTN Bạch Đằng (Phú)	111.000.989	111.000.989
- Các đối tượng khác	458.181.735	254.364.283
	1.488.141.886	1.284.324.434

24. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	260.748.224.190	219.812.981.841
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.978.229.458	17.631.383.324
	278.726.453.648	237.444.365.165
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)	75.760.593.873	12.437.239.280

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	228.011.238.303	184.261.733.566
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	22.491.737.922	20.040.497.904
	250.502.976.225	204.302.231.470

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	53.193.268	29.072.378
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.351.405	-
	54.544.673	29.072.378

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.497.578.354	5.407.228.287
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	18.620.111
	4.497.578.354	5.425.848.398

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	689.617.534	294.289.969
Chi phí nhân công	495.699.986	281.957.467
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.838.296.832	2.842.554.279
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.075.094.077	4.074.443.864
Chi phí khác bằng tiền	1.333.815.077	1.529.689.843
	9.432.523.506	9.022.935.422

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	278.208.375	46.172.711
Chi phí nhân công	7.190.572.241	10.891.821.543
Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng	201.438.591	917.031.856
Thuế, phí và lệ phí	2.413.985.085	2.857.228.892
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.823.440.168	1.728.791.096
Chi phí khác bằng tiền	2.638.952.080	3.710.529.540
	15.546.596.540	20.151.575.638

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý vỏ chai, phế liệu	468.487.356	90.280.910
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.487.418.776	1.983.039.092
Hoàn nhập dự phòng	-	39.764.560
Tiền bồi thường (*)	916.489.648	-
Thu nhập từ xử lý nợ phải trả tồn đọng	998.311.313	-
Thu nhập khác	27.024.516	705.840.893
	3.897.731.609	2.818.925.455

(*) Trong đó có 608.455.207 VND là tiền PVI Sài Gòn bồi thường tổn thất hư hỏng hàng hóa do bão Yagi.

31. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	333.637.854
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý phế liệu	493.283.649	-
Chi phí hàng thiệt hại do bão Yagi	683.652.196	-
Chi phí khác	382.180.023	33.196.442
	1.559.115.868	366.834.296

(*) Phần xử lý tổn thất hàng hóa thiệt hại do bão Yagi sau khi nhận được khoản bồi thường của PVI Sài Gòn.

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	1.139.939.437	1.020.331.774
Các khoản điều chỉnh tăng	488.728.272	502.442.736
- Chi phí không hợp lệ	-	63.714.464
- Chi phí khấu hao TSCĐ không tham gia sản xuất kinh doanh trong năm	290.728.272	290.728.272
- Thù lao HDQT không chuyên trách	198.000.000	148.000.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.628.667.709	1.522.774.510
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	325.733.542	304.554.902
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(548.516.680)	(790.364.408)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(170.975.473)	(62.707.174)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh	(393.758.611)	(548.516.680)

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	814.205.895	715.776.872
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	814.205.895	715.776.872
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	29.350.000	29.350.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	24

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	66.273.999.552	32.552.946.669
Chi phí nhân công	32.746.216.634	32.713.260.332
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.592.903.161	22.981.790.112
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.936.508.242	92.023.699.038
Chi phí khác bằng tiền	18.274.160.603	14.071.347.487
	240.823.788.192	194.343.043.638

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2025	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.837.216.555	-	-	13.837.216.555
Phải thu khách hàng, phải thu khác	82.846.229.658	339.071.700	-	83.185.301.358
Các khoản cho vay	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
	97.683.446.213	339.071.700	-	98.022.517.913
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.881.755.431	-	-	6.881.755.431
Phải thu khách hàng, phải thu khác	71.063.133.281	779.825.442	-	71.842.958.723
	77.944.888.712	779.825.442	-	78.724.714.154

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2025	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	62.544.750.996	2.079.000.000	-	64.623.750.996
Phải trả người bán, phải trả khác	10.339.500.872	13.589.814.100	-	23.929.314.972
Chi phí phải trả	2.471.439.534	-	-	2.471.439.534
	75.355.691.402	15.668.814.100	-	91.024.505.502
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	59.366.587.899	4.268.368.752	-	63.634.956.651
Phải trả người bán, phải trả khác	5.189.576.511	14.916.836.465	-	20.106.412.976
Chi phí phải trả	2.307.409.805	-	-	2.307.409.805
	66.863.574.215	19.185.205.217	-	86.048.779.432

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty có phát sinh giao dịch trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón và hóa chất Cần Thơ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Ác quy tia sáng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thiết kế công nghiệp hóa chất	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sorbitol Pháp - Việt	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Pin ắc quy miền Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người có liên quan.	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm tài chính với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	75.760.593.873	12.437.239.280
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	37.481.709.735	12.365.264.280
Công ty Cổ phần Phân bón và hóa chất Cần Thơ	458.387.331	71.975.000
Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam	30.518.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Pin ắc quy miền Nam - Xí nghiệp Ác quy Đồng Nai	238.990.000	-
Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam	44.800.000	-
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	21.118.272	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	37.485.070.535	-
Mua hàng	-	21.600.000
Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam	-	21.600.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		Năm 2025	Năm 2024
	Chức vụ	VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Thù lao thành viên Hội đồng quản trị			
- Trần Anh Vũ	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 27/04/2024)	-	20.000.000
Nguyễn Đình Khoát	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 27/04/2024 Miễn nhiệm từ ngày 02/10/2024)	-	25.000.000
- Nguyễn Văn Chung	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 02/10/2024) Miễn nhiệm từ ngày 19/04/2025)	18.269.231	15.000.000
- Lê Ngọc Quang	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2025)	41.730.769	-
- Trịnh Anh Phong	Thành viên	48.000.000	48.000.000
- Vũ Thanh Thủy	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 19/04/2025)	14.615.385	-
- Đỗ Trọng Tín	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 19/04/2025)	14.615.385	48.000.000
- Tạ Mạnh Hiền	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 19/04/2025)	14.615.385	48.000.000
- Vi Hoàng Sơn	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2025)	33.384.615	-
- Đào Văn Đức	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2025)	33.384.615	-
		218.615.385	204.000.000
Thù lao thành viên Ban kiểm soát			
- Đặng Thúy Nga	Trưởng ban (Miễn nhiệm từ ngày 27/04/2024)	-	84.000.000
- Mai Thị Lý	Trưởng ban (Bổ nhiệm từ ngày 27/04/2024)	48.000.000	32.000.000
- Trương Tuấn Nghĩa	Thành viên	42.000.000	42.000.000
- Võ Hồng Nhung	Thành viên	42.000.000	42.000.000
		132.000.000	200.000.000
Tiền lương, thưởng của Tổng Giám đốc và người quản lý khác			
- Trịnh Anh Phong	Tổng Giám đốc	312.000.000	312.000.000
- Tạ Mạnh Hiền	Phó Phó Tổng Giám đốc	276.000.000	276.000.000
- Mai Tứ Phương	Kế toán trưởng	252.000.000	252.000.000
		840.000.000	840.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC kiểm toán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Bá Thông



Mai Tứ Phương



Trịnh Anh Phong